BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 08/2025/TT-BGDĐT	*Hà Nội, ngày 12 tháng 5 năm 2025*

THÔNG TƯ
Quy định thời hạn lưu trữ hồ sơ, tài liệu thuộc lĩnh vực giáo dục và đào tạo

Căn cứ Luật Giáo dục ngày 14 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Luật Lưu trữ ngày 21 tháng 6 năm 2024;

Căn cứ Nghị định số 37/2025/NĐ-CP ngày 26 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Theo đề nghị của Chánh Văn phòng Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Thông tư Quy định thời hạn lưu trữ hồ sơ, tài liệu thuộc lĩnh vực giáo dục và đào tạo.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Thông tư này quy định chi tiết khoản 5 Điều 15 Luật Lưu trữ về thời hạn lưu trữ hồ sơ, tài liệu thuộc lĩnh vực giáo dục và đào tạo.

2. Thông tư này áp dụng đối với các đơn vị thuộc và trực thuộc Bộ Giáo dục và Đào tạo, các sở giáo dục và đào tạo, cơ quan chuyên môn quản lý giáo dục tại địa phương, các cơ sở giáo dục mầm non, cơ sở giáo dục phổ thông, cơ sở giáo dục nghề nghiệp, cơ sở giáo dục thường xuyên, cơ sở giáo dục đại học, trường chuyên biệt, trường của cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, lực lượng vũ trang nhân dân, cơ sở giáo dục khác trong hệ thống giáo dục quốc dân, tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục, tổ chức kinh doanh dịch vụ tư vấn du học, tổ chức và cá nhân khác thực hiện hoạt động giáo dục và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan (sau đây gọi chung là cơ quan, tổ chức).

Điều 2. Giải thích từ ngữ

Trong thông tư này, những từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. *Tài liệu thuộc lĩnh vực giáo dục và đào tạo* là thông tin gắn liền với vật mang tin có nội dung và hình thức thể hiện không thay đổi khi chuyển đổi vật mang tin hình thành trong quá trình giải quyết công việc để phục vụ cho hoạt động quản lý, hoạt động chuyên môn nghiệp vụ về giáo dục và đào tạo của cơ quan, tổ chức.

Tài liệu thuộc lĩnh vực giáo dục và đào tạo gồm tài liệu giấy, tài liệu trên vật mang tin khác và tài liệu điện tử.

2. *Hồ sơ thuộc lĩnh vực giáo dục và đào tạo* là một tập tài liệu thuộc lĩnh vực giáo dục và đào tạo có liên quan với nhau về một vấn đề, một sự việc, một đối tượng cụ thể hoặc có đặc điểm chung, hình thành trong quá trình theo dõi, giải quyết công việc thuộc phạm vi chức năng, nhiệm vụ của cơ quan, tổ chức.

3. *Thời hạn lưu trữ hồ sơ, tài liệu thuộc lĩnh vực giáo dục và đào tạo* là khoảng thời gian cần thiết để lưu giữ hồ sơ, tài liệu tính từ năm công việc kết thúc.

Điều 3. Các nhóm và thời hạn lưu trữ hồ sơ, tài liệu thuộc lĩnh vực giáo dục và đào tạo

1. Các nhóm tài liệu thuộc lĩnh vực giáo dục và đào tạo gồm:

a) Nhóm I. Hồ sơ, tài liệu chung về giáo dục và đào tạo.

b) Nhóm II. Hồ sơ, tài liệu về giáo dục mầm non.

c) Nhóm III. Hồ sơ, tài liệu về giáo dục phổ thông.

d) Nhóm IV. Hồ sơ, tài liệu về đào tạo trình độ cao đẳng sư phạm, trình độ đại học, trình độ thạc sĩ, trình độ tiến sĩ.

đ) Nhóm V. Hồ sơ, tài liệu về giáo dục nghề nghiệp và giáo dục thường xuyên.

e) Nhóm VI. Hồ sơ, tài liệu về giáo dục quốc phòng và an ninh.

g) Nhóm VII. Hồ sơ, tài liệu về công tác học sinh, sinh viên.

h) Nhóm VIII. Hồ sơ, tài liệu về khoa học, công nghệ và thông tin.

i) Nhóm IX. Hồ sơ, tài liệu về công tác cơ sở vật chất, thiết bị trường học và đầu tư.

k) Nhóm X. Hồ sơ, tài liệu về công tác bảo đảm, kiểm định chất lượng giáo dục.

l) Nhóm XI. Hồ sơ, tài liệu về hợp tác quốc tế trong lĩnh vực giáo dục.

m) Nhóm XII. Hồ sơ, tài liệu về công tác nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục.

2. Nhóm hồ sơ, tài liệu và thời hạn lưu trữ các nhóm hồ sơ, tài liệu thuộc lĩnh vực giáo dục và đào tạo được quy định chi tiết tại Phụ lục kèm theo Thông tư này.

Điều 4. Áp dụng thời hạn lưu trữ hồ sơ, tài liệu thuộc lĩnh vực giáo dục và đào tạo

1. Thời hạn lưu trữ mỗi hồ sơ, tài liệu cụ thể không ngắn hơn thời hạn lưu trữ được quy định tại Phụ lục kèm theo Thông tư này.

2. Khi lựa chọn hồ sơ, tài liệu giao nộp vào lưu trữ lịch sử, lưu trữ cơ quan, phải xem xét mức độ đầy đủ của phông lưu trữ tài liệu, đồng thời lưu ý đến những giai đoạn, thời điểm lịch sử.

Điều 5. Điều khoản thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2025 và thay thế Thông tư số 27/2016/TT-BGDĐT ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định thời hạn bảo quản tài liệu chuyên môn nghiệp vụ của ngành Giáo dục.

2. Chánh Văn phòng, Thủ trưởng các đơn vị thuộc và trực thuộc Bộ Giáo dục và Đào tạo, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo, người đứng đầu các cơ quan, đơn vị quy định tại Điều 1 Thông tư này, tổ chức và cá nhân liên quan có trách nhiệm tổ chức thực hiện Thông tư này./.

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Lê Tấn Dũng

Phụ lục

THỜI HẠN LƯU TRỮ HỒ SƠ, TÀI LIỆU THUỘC LĨNH VỰC GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

(Kèm theo Thông tư số 08/2025/TT-BGDĐT ngày 12 tháng 5 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

STT	Tên nhóm hồ sơ, tài liệu	Thời hạn lưu trữ
	I. HỒ SƠ, TÀI LIỆU CHUNG VỀ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO	
1	Tập văn bản quy định, hướng dẫn về công tác giáo dục và đào tạo gửi chung đến các cơ quan, đơn vị (hồ sơ nguyên tắc)	Đến khi văn bản hết hiệu lực thi hành
2	Hồ sơ xây dựng và trình cấp có thẩm quyền ban hành các định hướng, phương hướng, chính sách phát triển giáo dục và đào tạo	Vĩnh viễn
3	Hồ sơ xây dựng và trình cấp có thẩm quyền ban hành chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển giáo dục và đào tạo dài hạn, 5 năm, hằng năm	Vĩnh viễn
4	Hồ sơ xây dựng và trình cấp có thẩm quyền ban hành các chiến lược, quy hoạch vùng trọng điểm về giáo dục và đào tạo	Vĩnh viễn
5	Hồ sơ quy hoạch mạng lưới các cơ sở giáo dục trong hệ thống giáo dục quốc dân	Vĩnh viễn
6	Hồ sơ xây dựng và ban hành hoặc trình cấp có thẩm quyền các văn bản quy phạm pháp luật về hoạt động giáo dục và đào tạo	Vĩnh viễn
7	Hồ sơ xây dựng, quản lý, tổ chức thực hiện các đề án, chương trình mục tiêu, dự án chuyên môn về giáo dục và đào tạo	Vĩnh viễn
8	Kế hoạch nhiệm vụ năm học; báo cáo tình hình thực hiện kế hoạch nhiệm vụ năm học	20 năm

STT	Tên nhóm hồ sơ, tài liệu	Thời hạn lưu trữ
9	Kế hoạch đào tạo đối với khóa học, năm học; báo cáo tổng kết năm học, khóa học và bản lưu các báo cáo liên quan đến đào tạo gửi cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền	10 năm
10	Báo cáo đánh giá, tổng hợp giáo dục các cấp học cả nước qua từng thời kỳ và năm học	Vĩnh viễn
11	Hồ sơ hội nghị, hội thảo giáo dục đào tạo	
	- Hội nghị tổng kết	20 năm
	- Hội nghị sơ kết	05 năm
	- Hội thảo khoa học	10 năm
	- Hội thảo góp ý xây dựng tài liệu	10 năm
	- Hội nghị giao ban vùng	10 năm
12	Hồ sơ tập huấn chuyên môn nghiệp vụ cho đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý cơ sở giáo dục	05 năm
13	Hồ sơ các lớp đào tạo bồi dưỡng nâng cao trình độ học vấn, nghề nghiệp theo chương trình do Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định	10 năm
14	Hồ sơ tổ chức triển lãm giáo dục và đào tạo	05 năm
15	Hồ sơ kiểm tra các hoạt động giáo dục và đào tạo	20 năm
16	Hồ sơ thanh tra các hoạt động giáo dục và đào tạo	
	- Vụ việc nghiêm trọng	Vĩnh viễn
	- Vụ việc khác	20 năm
17	Công văn trao đổi về giáo dục và đào tạo	05 năm
	II. HỒ SƠ, TÀI LIỆU VỀ GIÁO DỤC MẦM NON	
	1. Hồ sơ, tài liệu về quản lý cơ sở giáo dục mầm non và các hoạt động giáo dục cấp học mầm non	

STT	Tên nhóm hồ sơ, tài liệu	Thời hạn lưu trữ
18	Hồ sơ thành lập hoặc cho phép thành lập, cho phép hoạt động giáo dục, đình chỉ hoạt động giáo dục, sáp nhập, chia, tách, giải thể trường mầm non, trường mẫu giáo, nhà trẻ	Vĩnh viễn
19	Hồ sơ công nhận trường mầm non đạt chuẩn quốc gia	
	- Hồ sơ được công nhận	10 năm
	- Hồ sơ không được công nhận	02 năm
20	Hồ sơ thành lập hội đồng trường mầm non	10 năm
21	Hồ sơ thành lập, sáp nhập, chia, tách, giải thể nhóm trẻ độc lập, lớp mẫu giáo độc lập, lớp mầm non độc lập	Vĩnh viễn
22	Hồ sơ xây dựng, thẩm định, phê duyệt chương trình giáo dục mầm non	Vĩnh viễn
23	Tài liệu hướng dẫn, đánh giá việc thực hiện chương trình giáo dục mầm non; lựa chọn, sử dụng tài liệu, đồ chơi, đồ dùng, thiết bị dạy học	20 năm
24	Hồ sơ biên soạn, thẩm định, phê duyệt tài liệu, đồ chơi, học liệu được sử dụng trong cơ sở giáo dục mầm non	20 năm
25	Hồ sơ xây dựng và ban hành điều lệ, quy chế tổ chức và hoạt động của cơ sở giáo dục mầm non	Vĩnh viễn
26	Hồ sơ ban hành quy định công tác phổ cập giáo dục mầm non	Vĩnh viễn
27	Hồ sơ hướng dẫn, đánh giá việc thực hiện công tác phổ cập giáo dục mầm non	20 năm
28	Hồ sơ hướng dẫn, đánh giá hoạt động của cơ sở giáo dục mầm non có yếu tố nước ngoài và cơ sở giáo dục mầm non có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam	20 năm

STT	Tên nhóm hồ sơ, tài liệu	Thời hạn lưu trữ
29	Hồ sơ kiểm tra, công nhận phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em năm tuổi	
	- Hồ sơ được công nhận	05 năm
	- Hồ sơ không được công nhận	02 năm
30	Hồ sơ công nhận trường mầm non đạt kiểm định chất lượng giáo dục	
	- Hồ sơ được công nhận	10 năm
	- Hồ sơ không được công nhận	03 năm
31	Hồ sơ công nhận trường mầm non đạt mức độ chuyển đổi số	05 năm
32	Hồ sơ công nhận thư viện trường mầm non đạt mức độ	05 năm
33	Hồ sơ đề nghị cấp phép hoạt động giáo dục	
	- Hồ sơ được cấp phép	Vĩnh viễn
	- Hồ sơ không được cấp phép	05 năm
	2. Hồ sơ, tài liệu phục vụ hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ em của cơ sở giáo dục mầm non	
34	Hồ sơ quản lý trẻ em của cơ sở giáo dục mầm non	05 năm
35	Hồ sơ quản lý trẻ em học hòa nhập của cơ sở giáo dục mầm non	05 năm
36	Hồ sơ quản lý bán trú của cơ sở giáo dục mầm non	05 năm
37	Hồ sơ quản lý chuyên môn của cơ sở giáo dục mầm non	05 năm
	III. HỒ SƠ, TÀI LIỆU VỀ GIÁO DỤC PHỔ THÔNG	
	1. Hồ sơ, tài liệu về quản lý cơ sở giáo dục phổ thông và các hoạt động giáo dục cấp học phổ thông	
38	Hồ sơ thành lập hoặc cho phép thành lập, cho phép hoạt động giáo dục, đình chỉ hoạt động giáo dục, sáp nhập, chia, tách, giải thể cơ sở giáo dục phổ thông	Vĩnh viễn

STT	Tên nhóm hồ sơ, tài liệu	Thời hạn lưu trữ
39	Hồ sơ công nhận trường phổ thông đạt chuẩn quốc gia	
	- Hồ sơ được công nhận	10 năm
	- Hồ sơ không được công nhận	02 năm
40	Hồ sơ công nhận trường phổ thông đạt kiểm định chất lượng giáo dục	
	- Hồ sơ được công nhận	10 năm
	- Hồ sơ không được công nhận	03 năm
41	Hồ sơ thành lập hội đồng trường đối với cơ sở giáo dục phổ thông công lập	20 năm
42	Hồ sơ ban hành quy định tiêu chuẩn, quy trình biên soạn, chỉnh sửa chương trình giáo dục phổ thông, sách giáo khoa phổ thông	Vĩnh viễn
43	Hồ sơ ban hành quy định mục tiêu, đối tượng, quy mô, thời gian thực nghiệm một số nội dung của chương trình giáo dục phổ thông	Vĩnh viễn
44	Hồ sơ quy định tổ chức và hoạt động của Hội đồng quốc gia thẩm định chương trình giáo dục phổ thông	Vĩnh viễn
45	Hồ sơ ban hành, hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện điều lệ, quy chế tổ chức và hoạt động của cơ sở giáo dục phổ thông	Vĩnh viễn
46	Hồ sơ phê duyệt sách giáo khoa giáo dục phổ thông (không bao gồm sách giáo khoa môn Giáo dục Quốc phòng và An ninh)	Vĩnh viễn
47	Hồ sơ lựa chọn, đề xuất lựa chọn sách giáo khoa	20 năm
48	Hồ sơ xây dựng, chỉnh sửa, thẩm định và ban hành chương trình giáo dục phổ thông, chương trình giáo dục nâng cao đối với môn chuyên, chương trình bồi dưỡng dự bị đại học	Vĩnh viễn

STT	Tên nhóm hồ sơ, tài liệu	Thời hạn lưu trữ
49	Hồ sơ phê duyệt chương trình giáo dục tích hợp sử dụng trong các cơ sở giáo dục phổ thông, phê duyệt sách giáo khoa giáo dục phổ thông	Vĩnh viễn
50	Hồ sơ phê duyệt tài liệu giáo dục của địa phương sử dụng trong các cơ sở giáo dục phổ thông	20 năm
51	Hồ sơ biên soạn, thẩm định, phê duyệt tài liệu bồi dưỡng, tài liệu hướng dẫn giảng dạy thuộc giáo dục phổ thông	20 năm
52	Hồ sơ trình Chính phủ ban hành quy định về giáo dục bắt buộc đối với giáo dục tiểu học và giáo dục bắt buộc 9 năm	Vĩnh viễn
53	Hồ sơ quy định khối lượng kiến thức văn hóa trung học phổ thông cho học sinh có bằng tốt nghiệp trung học cơ sở theo học trình độ trung cấp trong các cơ sở giáo dục nghề nghiệp	Vĩnh viễn
54	Hồ sơ quy định việc giảng dạy khối lượng kiến thức văn hóa trung học phổ thông trong cơ sở giáo dục nghề nghiệp	Vĩnh viễn
55	Hồ sơ xây dựng, thẩm định, ban hành chương trình dạy học tiếng dân tộc thiểu số	Vĩnh viễn
56	Hồ sơ biên soạn, thẩm định sách giáo khoa, tài liệu hướng dẫn dạy học tiếng dân tộc thiểu số	Vĩnh viễn
57	Hồ sơ ban hành hướng dẫn và quản lý việc thực hiện dạy học tiếng dân tộc thiểu số trong cơ sở giáo dục phổ thông và cơ sở giáo dục thường xuyên	20 năm
58	Hồ sơ chấp thuận việc dạy và học tiếng nói, chữ viết của dân tộc thiểu số trong các cơ sở giáo dục phổ thông và trung tâm giáo dục thường xuyên	20 năm
59	Hồ sơ xây dựng, ban hành chính sách hỗ trợ bảo tồn phát triển ngôn ngữ, chữ viết các dân tộc	Vĩnh viễn

STT	Tên nhóm hồ sơ, tài liệu	Thời hạn lưu trữ
60	Hồ sơ xây dựng, ban hành chính sách hỗ trợ đối với người học tiếng dân tộc thiểu số và cơ sở giáo dục có tổ chức dạy học tiếng dân tộc thiểu số	Vĩnh viễn
61	Hồ sơ ban hành quy chế tổ chức và hoạt động của trường dự bị đại học, trường phổ thông dân tộc nội trú, trường phổ thông dân tộc bán trú, trường lớp dành cho người khuyết tật, trung tâm hỗ trợ phát triển giáo dục hòa nhập	Vĩnh viễn
62	Hồ sơ kiểm tra, đánh giá việc thực hiện quy chế tổ chức và hoạt động của trường dự bị đại học, trường phổ thông dân tộc nội trú, trường phổ thông dân tộc bán trú	20 năm
63	Hồ sơ tuyển sinh, bồi dưỡng học sinh hệ dự bị đại học trong các trường dự bị đại học	10 năm
64	Hồ sơ xét chọn và phân bổ học sinh hệ dự bị đại học vào học tại các trường đại học, cao đẳng, trung cấp	20 năm
65	Hồ sơ hướng dẫn thực hiện chương trình bồi dưỡng dự bị đại học	20 năm
66	Hồ sơ kiểm tra, giám sát nội dung bắt buộc đối với học sinh người Việt Nam học chương trình giáo dục phổ thông của nước ngoài trong các cơ sở giáo dục phổ thông	20 năm
67	Hồ sơ hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện công tác phổ cập giáo dục tiểu học và giáo dục trung học cơ sở	20 năm
68	Hồ sơ phê duyệt kế hoạch thực hiện và hướng dẫn thực hiện Quy hoạch hệ thống cơ sở giáo dục chuyên biệt đối với người khuyết tật và hệ thống trung tâm hỗ trợ phát triển giáo dục hòa nhập	20 năm

STT	Tên nhóm hồ sơ, tài liệu	Thời hạn lưu trữ
69	Hồ sơ cấp phép hoạt động giáo dục kỹ năng sống và hoạt động giáo dục ngoài giờ chính khóa	Vĩnh viễn
70	Hồ sơ xây dựng và trình cấp có thẩm quyền ban hành chính sách phát triển và bảo tồn Tiếng Việt	Vĩnh viễn
71	Hồ sơ hướng dẫn việc học Tiếng Việt cho công dân nước ngoài, công dân Việt Nam ở nước ngoài	20 năm
72	Hồ sơ hướng dẫn, kiểm tra việc xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch giáo dục của cơ sở giáo dục phổ thông	20 năm
73	Hồ sơ công nhận tỉnh/xã đạt chuẩn phổ cập giáo dục tiểu học, trung học cơ sở	10 năm
74	Hồ sơ quản lý chuyên môn của cơ sở giáo dục phổ thông	05 năm
75	Bài kiểm tra định kỳ	02 năm
	2. Hồ sơ, sổ sách phục vụ hoạt động giáo dục của trường tiểu học, lớp tiểu học, cơ sở giáo dục khác thực hiện chương trình giáo dục tiểu học	
76	Sổ đăng bộ	Vĩnh viễn
77	Bảng tổng hợp kết quả đánh giá giáo dục của lớp	10 năm
78	Sổ nghị quyết và kế hoạch công tác của trường	10 năm
79	Hồ sơ khen thưởng, kỷ luật học sinh	10 năm
80	Học bạ học sinh	Trả học sinh khi ra trường, chuyển trường
81	Hồ sơ giáo dục đối với học sinh khuyết tật	Bàn giao cho cơ sở giáo dục mới khi học sinh chuyển trường, cấp học

STT	Tên nhóm hồ sơ, tài liệu	Thời hạn lưu trữ
82	Sổ phổ cập giáo dục tiểu học	10 năm
83	Sổ chủ nhiệm	Hết khóa học
84	Sổ công tác Đội	Hết khóa học
	3. Hồ sơ, sổ sách phục vụ hoạt động giáo dục của trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông, trường phổ thông có nhiều cấp học, trường chuyên biệt	
85	Sổ đăng bộ	Vĩnh viễn
86	Sổ theo dõi học sinh chuyển đi, chuyển đến	05 năm
87	Sổ gọi tên và ghi điểm	Vĩnh viễn
88	Sổ nghị quyết của trường và nghị quyết của hội đồng trường	10 năm
89	Học bạ học sinh	Trả học sinh khi ra trường, chuyển trường
90	Hồ sơ khen thưởng, kỷ luật học sinh	10 năm
91	Hồ sơ giáo dục đối với học sinh khuyết tật	10 năm
92	Sổ phổ cập giáo dục	20 năm
93	Sổ ghi đầu bài	Hết khóa học
94	Sổ chủ nhiệm	Hết khóa học
	4. Hồ sơ phục vụ hoạt động giáo dục của trường phổ thông dân tộc nội trú, trường phổ thông dân tộc bán trú, trường dự bị đại học	
95	Hồ sơ xét duyệt học sinh nội trú ở trường phổ thông dân tộc nội trú, học sinh bán trú ở trường phổ thông dân tộc bán trú	10 năm
96	Hồ sơ giáo dục học sinh trường phổ thông dân tộc nội trú, trường phổ thông dân tộc bán trú, trường dự bị đại học về chủ trương, chính sách dân tộc của Đảng và	10 năm

STT	Tên nhóm hồ sơ, tài liệu	Thời hạn lưu trữ
	Nhà nước; bản sắc văn hóa và truyền thống tốt đẹp của các dân tộc Việt Nam	
97	Hồ sơ giáo dục kỹ năng sống và kỹ năng hoạt động xã hội cho học sinh trường phổ thông dân tộc nội trú, trường phổ thông dân tộc bán trú, trường dự bị đại học	05 năm
98	Hồ sơ giáo dục lao động, hướng nghiệp và dạy nghề truyền thống cho học sinh trường phổ thông dân tộc nội trú, trường phổ thông dân tộc bán trú, trường dự bị đại học	05 năm
99	Hồ sơ tổ chức công tác nội trú, công tác bán trú cho học sinh trường phổ thông dân tộc nội trú, trường phổ thông dân tộc bán trú, trường dự bị đại học	05 năm
100	Hồ sơ theo dõi, thống kê số lượng học sinh trường phổ thông dân tộc nội trú, trường phổ thông dân tộc bán trú, trường dự bị đại học đã tốt nghiệp hằng năm tiếp tục học ở cấp học, trình độ cao hơn hoặc trở về địa phương tham gia công tác, lao động sản xuất	05 năm
	5. Hồ sơ, tài liệu về tuyển sinh, công nhận tốt nghiệp	
101	Hồ sơ tuyển sinh cấp tiểu học	10 năm
102	Hồ sơ tuyển sinh trung học cơ sở	10 năm
103	Tài liệu về xét công nhận tốt nghiệp trung học cơ sở	
	- Quyết định công nhận tốt nghiệp, danh sách học sinh được công nhận tốt nghiệp	Vĩnh viễn
	- Các tài liệu khác có liên quan đến xét công nhận tốt nghiệp	10 năm
104	Tài liệu về tuyển sinh trung học phổ thông	
	- Hồ sơ xác định chỉ tiêu tuyển sinh hàng năm	Vĩnh viễn

STT	Tên nhóm hồ sơ, tài liệu	Thời hạn lưu trữ
	- Quyết định trúng tuyển, danh sách trúng tuyển; Điểm chuẩn tuyển sinh	Vĩnh viễn
	- Hồ sơ đăng ký dự tuyển	Trả học sinh khi kết thúc khóa học
	- Bài thi	Hết khóa học
	- Các tài liệu khác có liên quan đến tuyển sinh	Hết khóa học
105	Tài liệu về thi và xét công nhận tốt nghiệp trung học phổ thông	
	- Quyết định công nhận tốt nghiệp, danh sách thí sinh được công nhận tốt nghiệp	Vĩnh viễn
	- Bảng ghi thông tin xét công nhận tốt nghiệp; Bảng ghi điểm thi; Các loại thống kê số liệu	Vĩnh viễn
	- Hồ sơ đăng ký dự thi	05 năm
	- Bài thi	05 năm
	- Các tài liệu khác có liên quan đến thi và xét công nhận tốt nghiệp	05 năm
	6. Hồ sơ, tài liệu về thi học sinh giỏi, thi khởi nghiệp và các cuộc thi khác, cuộc thi khoa học kỹ thuật dành cho học sinh trung học	
106	Tài liệu về thi chọn học sinh giỏi trung học phổ thông	
	- Quyết định kèm theo danh sách thí sinh đoạt giải	
	+ Cấp quốc gia	Vĩnh viễn
	+ Cấp tỉnh	10 năm
	- Danh sách học sinh là thành viên các đội tuyển Olympic quốc tế và khu vực	Vĩnh viễn
	- Biên bản xét duyệt kết quả thi và xếp giải	
	+ Cấp quốc gia	Vĩnh viễn

STT	Tên nhóm hồ sơ, tài liệu	Thời hạn lưu trữ
	+ Cấp tỉnh	10 năm
	- Quyết định thành lập đội tuyển (lưu tại đơn vị dự thi)	
	+ Cấp quốc gia	Vĩnh viễn
	+ Cấp tỉnh	10 năm
	- Sổ cấp giấy chứng nhận học sinh đoạt giải	Vĩnh viễn
	- Sổ cấp giấy chứng nhận học sinh tham dự kỳ thi	50 năm
	- Đề thi và hướng dẫn chấm thi đã sử dụng	05 năm
	- Hồ sơ đăng ký dự thi	05 năm
	- Bài thi	05 năm
	- Các tài liệu khác có liên quan đến cuộc thi	05 năm
107	Hồ sơ các đoàn cán bộ, học sinh dự thi Olympic quốc tế và khu vực	10 năm
108	Hồ sơ cuộc thi Khoa học kỹ thuật dành cho học sinh trung học	
	- Danh sách dự án, thí sinh đoạt giải	
	+ Cấp quốc gia	Vĩnh viễn
	+ Cấp tỉnh	10 năm
	- Quyết định thành lập đội tuyển (lưu tại đơn vị dự thi)	
	+ Cấp quốc gia	Vĩnh viễn
	+ Cấp tỉnh	10 năm
	- Sổ cấp giấy chứng nhận học sinh đoạt giải	
	+ Cấp quốc gia	Vĩnh viễn
	+ Cấp tỉnh	10 năm
	- Dự án dự thi: Báo cáo tóm tắt, Báo cáo kết quả nghiên cứu	

STT	Tên nhóm hồ sơ, tài liệu	Thời hạn lưu trữ
	+ Đạt giải cấp quốc gia	Vĩnh viễn
	+ Đạt giải cấp trường, tỉnh	10 năm
	- Các liệu khác liên quan đến cuộc thi	05 năm
	IV. HỒ SƠ, TÀI LIỆU VỀ ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ CAO ĐẲNG SƯ PHẠM, TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC, TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ, TRÌNH ĐỘ TIẾN SĨ	
	1. Hồ sơ, tài liệu về đào tạo trình độ cao đẳng sư phạm	
109	Hồ sơ thành lập, đăng ký hoạt động, đình chỉ hoạt động, sáp nhập, chia, tách, giải thể, đổi tên trường cao đẳng sư phạm	Vĩnh viễn
110	Hồ sơ thành lập, cho phép hoạt động đào tạo, đình chỉ hoạt động đào tạo đối với phân hiệu của trường cao đẳng sư phạm	Vĩnh viễn
111	Hồ sơ thành lập hội đồng trường và bổ nhiệm chủ tịch hội đồng trường cao đẳng sư phạm	20 năm
112	Hồ sơ công nhận xếp hạng đối với trường cao đẳng sư phạm	Vĩnh viễn
113	Hồ sơ công nhận trường cao đẳng sư phạm đạt chuẩn quốc gia	20 năm
114	Hồ sơ xây dựng quy chế đào tạo trình độ cao đẳng sư phạm	Vĩnh viễn
115	Hồ sơ xây dựng quy định chỉ tiêu tuyển sinh cao đẳng sư phạm	Vĩnh viễn
116	Hồ sơ quy định điều kiện, trình tự, thủ tục đăng ký hoạt động trình độ cao đẳng sư phạm	Vĩnh viễn
117	Hồ sơ xây dựng, thẩm định, ban hành chương trình đào tạo cao đẳng sư phạm	Vĩnh viễn

STT	Tên nhóm hồ sơ, tài liệu	Thời hạn lưu trữ
118	Hồ sơ biên soạn, lựa chọn, thẩm định, duyệt và sử dụng giáo trình, tài liệu giảng dạy trình độ cao đẳng sư phạm	Vĩnh viễn
119	Hồ sơ xây dựng chương trình, biên soạn, thẩm định và duyệt giáo trình dùng chung cho các môn học bắt buộc, bồi dưỡng giảng viên các môn lý luận chính trị trong trường cao đẳng sư phạm	Vĩnh viễn
120	Hồ sơ thu hồi giáo trình, tài liệu giảng dạy trình độ cao đẳng sư phạm không bảo đảm điều kiện chất lượng theo quy định	Vĩnh viễn
121	Hồ sơ cho phép liên kết đào tạo trình độ cao đẳng sư phạm với cơ sở giáo dục trong nước	Vĩnh viễn
122	Tài liệu về tuyển sinh cao đẳng sư phạm	
	- Hồ sơ xác định chỉ tiêu tuyển sinh hàng năm	Vĩnh viễn
	- Hồ sơ xây dựng phương án đảm bảo chất lượng đầu vào tuyển sinh	Vĩnh viễn
	- Quyết định trúng tuyển, danh sách trúng tuyển; Điểm chuẩn tuyển sinh	Vĩnh viễn
	- Hồ sơ đăng ký xét tuyển	Hết khóa học
	- Các tài liệu khác liên quan đến tuyển sinh	Hết khóa học
123	Văn bản phê duyệt danh sách sinh viên nhập học hoặc phân lớp	Vĩnh viễn
124	Bảng điểm tổng hợp kết quả học tập theo học kỳ, năm học, khóa học	Vĩnh viễn
125	Hồ sơ giảng dạy của giảng viên	05 năm sau tốt nghiệp
126	Tài liệu về thi hết học phần	

STT	Tên nhóm hồ sơ, tài liệu	Thời hạn lưu trữ
	- Hồ sơ phê duyệt kết quả thi hết học phần	10 năm sau tốt nghiệp
	- Bài thi hết học phần	Hết khóa học
	- Tài liệu khác có liên quan đến thi hết học phần	Hết khóa học
127	Bảng điểm từng học phần bao gồm điểm kiểm tra, điểm thi, điểm học phần	10 năm sau tốt nghiệp
128	Sổ lên lớp (sổ ghi đầu bài)	05 năm sau tốt nghiệp
129	Báo cáo thực tập tốt nghiệp	03 năm sau tốt nghiệp
130	Tài liệu về xét công nhận tốt nghiệp cao đẳng sư phạm	
	- Quyết định công nhận tốt nghiệp và cấp bằng; Danh sách tốt nghiệp	Vĩnh viễn
	- Hồ sơ xét công nhận tốt nghiệp	Vĩnh viễn
	- Các đồ án, khóa luận tốt nghiệp	
	+ Được Hội đồng đánh giá đạt yêu cầu trở lên	20 năm
	+ Không đạt yêu cầu	05 năm
	- Bài thi	05 năm
	- Các tài liệu khác có liên quan đến thi, xét tốt nghiệp	05 năm
131	Hồ sơ hủy bỏ/không công nhận kết quả đào tạo trình độ cao đẳng sư phạm	20 năm
132	Hồ sơ tổ chức xét tuyển, thi hết khóa và cấp chứng chỉ cho học viên các lớp ngắn hạn về bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ, thực hành, bồi dưỡng tin học, ngoại ngữ	10 năm

STT	Tên nhóm hồ sơ, tài liệu	Thời hạn lưu trữ
	2. Hồ sơ, tài liệu về đào tạo trình độ đại học	
133	Hồ sơ phê duyệt chủ trương thành lập hoặc cho phép thành lập cơ sở giáo dục đại học	Vĩnh viễn
134	Hồ sơ thành lập hoặc cho phép thành lập, cho phép hoạt động đào tạo, đình chỉ hoạt động đào tạo, sáp nhập, chia, tách, giải thể cơ sở giáo dục đại học	Vĩnh viễn
135	Hồ sơ chuyển trường đại học thành đại học và thành lập trường thuộc cơ sở giáo dục đại học	Vĩnh viễn
136	Hồ sơ đặt tên, đổi tên cơ sở giáo dục đại học	Vĩnh viễn
137	Hồ sơ chuyển đổi cơ sở giáo dục đại học tư thục sang cơ sở giáo dục đại học tư thục hoạt động không vì lợi nhuận	Vĩnh viễn
138	Hồ sơ liên kết các trường đại học thành đại học	Vĩnh viễn
139	Hồ sơ phê duyệt chủ trương thành lập hoặc cho phép thành lập phân hiệu của cơ sở giáo dục đại học	Vĩnh viễn
140	Hồ sơ thành lập hoặc cho phép thành lập, cho phép hoạt động đào tạo, đình chỉ hoạt động đào tạo đối với phân hiệu của cơ sở giáo dục đại học	Vĩnh viễn
141	Hồ sơ công nhận cơ sở giáo dục đại học tư thục hoạt động không vì lợi nhuận	Vĩnh viễn
142	Hồ sơ thành lập hội đồng trường và công nhận chủ tịch hội đồng trường đại học công lập	20 năm
143	Hồ sơ thành lập và công nhận hội đồng quản trị trường đại học tư thục	20 năm
144	Hồ sơ phân tầng cơ sở giáo dục đại học	Vĩnh viễn
145	Hồ sơ công nhận xếp hạng đối với cơ sở giáo dục đại học	Vĩnh viễn

STT	Tên nhóm hồ sơ, tài liệu	Thời hạn lưu trữ
146	Hồ sơ công nhận cơ sở giáo dục đại học đạt chuẩn quốc gia	20 năm
147	Hồ sơ cho phép mở hoặc đình chỉ hoạt động giáo dục của cơ sở giáo dục đại học	Vĩnh viễn
148	Hồ sơ cho phép liên kết đào tạo đại học với cơ sở giáo dục trong nước và với nước ngoài	Vĩnh viễn
149	Hồ sơ gia hạn chương trình liên kết đào tạo với nước ngoài trình độ đại học	Vĩnh viễn
150	Hồ sơ cho phép đào tạo liên thông lên trình độ đại học	Vĩnh viễn
151	Hồ sơ cho phép đào tạo từ xa	Vĩnh viễn
152	Hồ sơ cho phép đào tạo văn bằng đại học thứ hai	Vĩnh viễn
153	Hồ sơ xây dựng, thẩm định, ban hành chương trình đào tạo giáo dục đại học	Vĩnh viễn
154	Hồ sơ biên soạn, thẩm định và duyệt giáo trình dùng chung cho các môn học bắt buộc, bồi dưỡng các cơ sở giáo dục đại học	Vĩnh viễn
155	Hồ sơ biên soạn, lựa chọn, thẩm định, duyệt và sử dụng tài liệu giảng dạy, giáo trình các trình độ của giáo dục đại học	Vĩnh viễn
156	Tài liệu về tuyển sinh đại học	
	- Hồ sơ xác định chỉ tiêu tuyển sinh hàng năm	Vĩnh viễn
	- Hồ sơ xây dựng phương án đảm bảo chất lượng đầu vào tuyển sinh	Vĩnh viễn
	- Quyết định trúng tuyển, danh sách trúng tuyển; Điểm chuẩn tuyển sinh	Vĩnh viễn
	- Hồ sơ đăng ký dự tuyển	Hết khóa học

STT	Tên nhóm hồ sơ, tài liệu	Thời hạn lưu trữ
	- Bài thi của các trường tổ chức tuyển sinh theo phương thức thi tuyển hoặc thi tuyển kết hợp với xét tuyển	Hết khóa học
	- Các tài liệu khác liên quan đến tuyển sinh	Hết khóa học
157	Văn bản phê duyệt danh sách sinh viên nhập học hoặc phân lớp	20 năm
158	Bảng điểm tổng hợp kết quả học tập theo học kỳ, năm học, khóa học	Vĩnh viễn
159	Hồ sơ giảng dạy của giảng viên	05 năm sau tốt nghiệp
160	Hồ sơ cố vấn học tập của đại học	Hết khóa học
161	Tài liệu về thi hết học phần	
	- Hồ sơ phê duyệt kết quả thi hết học phần	10 năm sau tốt nghiệp
	- Bài thi hết học phần	Hết khóa học
	- Tài liệu khác có liên quan đến thi hết học phần	Hết khóa học
162	Bảng điểm từng học phần bao gồm điểm kiểm tra, điểm thi, điểm học phần	10 năm sau tốt nghiệp
163	Sổ lên lớp (sổ ghi đầu bài)	05 năm sau tốt nghiệp
164	Báo cáo thực tập tốt nghiệp	03 năm sau tốt nghiệp
165	Tài liệu về xét công nhận tốt nghiệp đại học	
	- Quyết định công nhận tốt nghiệp và cấp bằng đại học; Danh sách tốt nghiệp	Vĩnh viễn
	- Hồ sơ xét công nhận tốt nghiệp	Vĩnh viễn
	- Các đồ án, khóa luận tốt nghiệp	

STT	Tên nhóm hồ sơ, tài liệu	Thời hạn lưu trữ
	+ Được Hội đồng đánh giá đạt yêu cầu trở lên	20 năm
	+ Không đạt yêu cầu	05 năm
	- Bài thi	05 năm
	- Các tài liệu khác có liên quan đến thi, xét tốt nghiệp	05 năm
166	Hồ sơ hủy bỏ/không công nhận kết quả đào tạo trình độ đại học	20 năm
167	Hồ sơ cấp chứng chỉ, giấy chứng nhận của cơ sở giáo dục đại học	Vĩnh viễn
	3. Hồ sơ, tài liệu về đào tạo trình độ thạc sĩ	
168	Hồ sơ cho phép đào tạo, đình chỉ tuyển sinh, thu hồi quyết định cho phép đào tạo ngành, chuyên ngành thạc sĩ	Vĩnh viễn
169	Hồ sơ cho phép liên kết đào tạo trình độ thạc sĩ với cơ sở giáo dục trong nước	Vĩnh viễn
170	Tài liệu về tuyển sinh thạc sĩ	
	- Hồ sơ xác định chỉ tiêu tuyển sinh hàng năm	Vĩnh viễn
	- Quyết định trúng tuyển, danh sách trúng tuyển; Điểm chuẩn tuyển sinh	Vĩnh viễn
	- Hồ sơ đăng ký dự tuyển	05 năm sau tốt nghiệp
	- Bài thi	05 năm sau tốt nghiệp
	- Các tài liệu khác liên quan đến tuyển sinh	05 năm sau tốt nghiệp
171	Quyết định công nhận học viên cao học	Vĩnh viễn
172	Bảng điểm tổng hợp kết quả học tập theo học kỳ, năm học, khóa học	Vĩnh viễn

STT	Tên nhóm hồ sơ, tài liệu	Thời hạn lưu trữ
173	Hồ sơ giảng dạy của giảng viên	05 năm sau tốt nghiệp
174	Hồ sơ cố vấn học tập của thạc sĩ	Hết khóa học
175	Tài liệu thi hết học phần	
	- Hồ sơ xét duyệt kết quả thi hết học phần	10 năm sau tốt nghiệp
	- Bài thi	05 năm sau tốt nghiệp
	- Tài liệu khác có liên quan đến thi hết học phần	05 năm sau tốt nghiệp
176	Bảng điểm từng học phần bao gồm điểm kiểm tra, điểm thi, điểm học phần	10 năm sau tốt nghiệp
177	Sổ theo dõi tình hình giảng dạy, học tập của giảng viên và học viên	05 năm sau tốt nghiệp
178	Tài liệu về công nhận tốt nghiệp và cấp bằng thạc sĩ	
	- Quyết định công nhận tốt nghiệp và cấp bằng thạc sĩ; Danh sách tốt nghiệp	Vĩnh viễn
	- Hồ sơ xét công nhận tốt nghiệp và cấp bằng thạc sĩ	Vĩnh viễn
	- Hồ sơ đánh giá luận văn/đề án thạc sĩ	30 năm
	- Hồ sơ chấm thẩm định và xử lý kết quả thẩm định luận văn/đề án thạc sĩ trong trường hợp có đơn tố cáo	30 năm
	- Luận văn/đề án thạc sĩ	
	+ Được hội đồng đánh giá đạt yêu cầu trở lên	30 năm
	+ Không đạt yêu cầu	05 năm
	- Tài liệu khác có liên quan đến xét tốt nghiệp	05 năm
179	Hồ sơ hủy bỏ/không công nhận kết quả đào tạo trình độ thạc sĩ	20 năm

STT	Tên nhóm hồ sơ, tài liệu	Thời hạn lưu trữ
	4. Hồ sơ, tài liệu về đào tạo trình độ tiến sĩ	
180	Hồ sơ cho phép đào tạo, đình chỉ tuyển sinh, thu hồi quyết định cho phép đào tạo ngành, chuyên ngành tiến sĩ	Vĩnh viễn
181	Hồ sơ cho phép liên kết đào tạo trình độ tiến sĩ với cơ sở giáo dục trong nước và ngoài nước	Vĩnh viễn
182	Tài liệu về tuyển sinh tiến sĩ	
	- Hồ sơ xác định chỉ tiêu tuyển sinh hàng năm	Vĩnh viễn
	- Quyết định trúng tuyển, danh sách trúng tuyển; Điểm chuẩn tuyển sinh	Vĩnh viễn
	- Hồ sơ đăng ký dự tuyển	05 năm sau tốt nghiệp
	- Các tài liệu khác liên quan đến tuyển sinh	05 năm sau tốt nghiệp
183	Quyết định công nhận nghiên cứu sinh, hướng nghiên cứu hoặc đề tài nghiên cứu, chuyên ngành, người hướng dẫn và thời gian đào tạo của nghiên cứu sinh	Vĩnh viễn
184	Bảng điểm tổng hợp kết quả học tập theo học kỳ, năm học, khóa học	Vĩnh viễn
185	Hồ sơ giảng dạy của giảng viên	05 năm sau tốt nghiệp
186	Tài liệu về thi hết học phần	
	- Hồ sơ xét duyệt kết quả thi hết học phần	10 năm sau tốt nghiệp
	- Bài thi	05 năm sau tốt nghiệp
	- Tài liệu khác liên quan đến thi hết học phần	05 năm sau tốt nghiệp

STT	Tên nhóm hồ sơ, tài liệu	Thời hạn lưu trữ
187	Bảng điểm từng học phần bao gồm điểm kiểm tra, điểm thi, điểm học phần	10 năm sau tốt nghiệp
188	Sổ theo dõi tình hình giảng dạy, học tập của giảng viên và nghiên cứu viên	05 năm sau tốt nghiệp
189	Báo cáo chuyên đề, tiểu luận tổng quan của nghiên cứu sinh	05 năm sau tốt nghiệp
190	Tài liệu về công nhận tốt nghiệp và cấp bằng tiến sĩ	
	- Quyết định công nhận tốt nghiệp và cấp bằng tiến sĩ; Danh sách nghiên cứu sinh được cấp bằng tiến sĩ	Vĩnh viễn
	- Hồ sơ xét công nhận tốt nghiệp và cấp bằng tiến sĩ	Vĩnh viễn
	- Hồ sơ đánh giá luận án tiến sĩ cấp cơ sở	Vĩnh viễn
	- Hồ sơ đề nghị bảo vệ luận án tiến sĩ cấp trường hoặc viện	Vĩnh viễn
	- Hồ sơ về việc lấy ý kiến phản biện độc lập đối với luận án tiến sĩ	Vĩnh viễn
	- Hồ sơ đánh giá luận án tiến sĩ cấp trường hoặc viện	Vĩnh viễn
	- Hồ sơ chấm thẩm định và xử lý kết quả thẩm định luận án tiến sĩ	Vĩnh viễn
	- Luận án tiến sĩ và tóm tắt luận án tiến sĩ	
	+ Được Hội đồng đánh giá đạt yêu cầu trở lên	Vĩnh viễn
	+ Không đạt yêu cầu	05 năm
	- Tài liệu khác có liên quan đến xét tốt nghiệp	05 năm
191	Hồ sơ hủy bỏ/không công nhận kết quả đào tạo trình độ tiến sĩ	20 năm

STT	Tên nhóm hồ sơ, tài liệu	Thời hạn lưu trữ
	V. HỒ SƠ, TÀI LIỆU VỀ GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP VÀ GIÁO DỤC THƯỜNG XUYÊN	
	1. Hồ sơ, tài liệu về quản lý cơ sở giáo dục nghề nghiệp và các hoạt động giáo dục nghề nghiệp	
192	Hồ sơ thành lập, cho phép thành lập, sáp nhập, chia, tách, giải thể, đổi tên, đình chỉ hoạt động giáo dục nghề nghiệp đối với cơ sở giáo dục nghề nghiệp và trung tâm giáo dục quốc phòng và an ninh thuộc cơ sở giáo dục nghề nghiệp	Vĩnh viễn
193	Hồ sơ thành lập, cho phép thành lập, đăng ký hoặc cho phép hoạt động giáo dục, đình chỉ hoạt động giáo dục, sáp nhập, chia, tách, giải thể đối với phân hiệu của trường trung cấp, trường cao đẳng	Vĩnh viễn
194	Hồ sơ xây dựng quy định tiêu chí cụ thể phân loại cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập	Vĩnh viễn
195	Hồ sơ thành lập hội đồng trường trung cấp, cao đẳng nghề công lập	20 năm
196	Hồ sơ bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức chủ tịch hội đồng trường trung cấp, cao đẳng nghề công lập	20 năm
197	Hồ sơ công nhận hội đồng quản trị và chủ tịch hội đồng quản trị trường trung cấp, cao đẳng nghề tư thục và có vốn đầu tư nước ngoài	20 năm
198	Hồ sơ công nhận hiệu trưởng trường cao đẳng tư thục	20 năm
199	Hồ sơ chuyển cơ sở giáo dục nghề nghiệp tư thục thành cơ sở giáo dục nghề nghiệp tư thục hoạt động không vì lợi nhuận	Vĩnh viễn
200	Hồ sơ thành lập văn phòng đại diện của tổ chức, cơ sở giáo dục nghề nghiệp nước ngoài tại Việt Nam	Vĩnh viễn

STT	Tên nhóm hồ sơ, tài liệu	Thời hạn lưu trữ
201	Hồ sơ xây dựng quy chuẩn kỹ thuật quốc gia, định mức kinh tế - kỹ thuật chuyên ngành trong lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp; tiêu chuẩn kỹ năng nghề quốc gia	Vĩnh viễn
202	Hồ sơ xây dựng, thẩm định, ban hành chương trình đào tạo trình độ trung cấp, cao đẳng nghề	Vĩnh viễn
203	Hồ sơ hướng dẫn thực hiện quy trình xây dựng, thẩm định, ban hành chương trình đào tạo trình độ trung cấp, cao đẳng nghề	Vĩnh viễn
204	Hồ sơ biên soạn, lựa chọn, thẩm định, phê duyệt và sử dụng chương trình, giáo trình đào tạo nghề; áp dụng các chương trình đào tạo nghề của nước ngoài	Vĩnh viễn
205	Hồ sơ ban hành văn bản hướng dẫn chuyên môn, nghiệp vụ về giáo dục nghề nghiệp	20 năm
206	Hồ sơ cho phép đào tạo liên thông lên trình độ trung cấp, cao đẳng nghề	Vĩnh viễn
207	Hồ sơ cho phép liên kết đào tạo nghề với các cơ sở giáo dục nghề nghiệp trong nước và nước ngoài	Vĩnh viễn
208	Hồ sơ ban hành quy chế tổ chức và hoạt động của các cơ sở giáo dục nghề nghiệp	Vĩnh viễn
209	Hồ sơ hướng dẫn, kiểm tra thực hiện quy chế tổ chức và hoạt động của các cơ sở giáo dục nghề nghiệp	20 năm
210	Danh mục ngành, nghề đào tạo trình độ cao đẳng, trung cấp; ngành, nghề nặng nhọc, độc hại; ngành, nghề khó tuyển sinh nhưng xã hội có nhu cầu; ngành, nghề được phép hợp tác, đầu tư với nước ngoài; ngành, nghề doanh nghiệp phải sử dụng lao động qua đào tạo giáo dục nghề nghiệp	10 năm

STT	Tên nhóm hồ sơ, tài liệu	Thời hạn lưu trữ
211	Hồ sơ xây dựng khối lượng kiến thức tối thiểu đối với từng trình độ đào tạo và từng ngành, nghề đào tạo, yêu cầu về năng lực người học phải đạt được sau khi tốt nghiệp đối với từng trình độ đào tạo của giáo dục nghề nghiệp	Vĩnh viễn
212	Hồ sơ hướng dẫn thực hiện các chương trình đào tạo thường xuyên	20 năm
213	Hồ sơ biên soạn, thẩm định, phê duyệt tài liệu bồi dưỡng, tài liệu hướng dẫn giảng dạy thuộc lĩnh vực giáo dục thường xuyên	20 năm
214	Hồ sơ hướng dẫn xây dựng, quản lý danh mục ngành, nghề đào tạo thường xuyên	20 năm
215	Hồ sơ đào tạo, bồi dưỡng trình độ kỹ năng nghề, nâng cao năng lực nghề nghiệp cho người lao động	10 năm
216	Hồ sơ chuyển ngành, nghề đào tạo	Vĩnh viễn
217	**2. Hồ sơ, sổ sách phục vụ hoạt động giáo dục nghề nghiệp của trường trung cấp, cao đẳng**	
218	Văn bản phê duyệt danh sách người học nhập học hoặc phân lớp	Vĩnh viễn
219	Kế hoạch đào tạo đối với khóa học, năm học	Vĩnh viễn
220	Hồ sơ giảng dạy của giảng viên, giáo viên	05 năm sau tốt nghiệp
221	Bảng điểm tổng hợp kết quả học tập theo học kỳ, năm học, khóa học	Vĩnh viễn
222	Bảng điểm của người học: Điểm kiểm tra thường xuyên, định kỳ; điểm thi kết thúc môn học, mô đun; bản in kết quả thi, kiểm tra đối với hình thức thi, kiểm tra trực tuyến hoặc bằng phần mềm chuyên biệt trên máy tính	10 năm sau tốt nghiệp

STT	Tên nhóm hồ sơ, tài liệu	Thời hạn lưu trữ
	có chữ ký của giáo viên, giảng viên giảng dạy và cán bộ quản lý khoa, tổ chuyên môn	
223	Sổ lên lớp	05 năm sau tốt nghiệp
224	Hồ sơ khen thưởng, kỷ luật người học	Vĩnh viễn
225	Hồ sơ Hội thi tay nghề quốc gia, khu vực ASEAN, châu Á và thế giới	
	- Danh sách thí sinh đoạt giải tại các Kỳ thi kỹ năng nghề quốc gia, ASEAN, châu Á và thế giới	10 năm
	- Danh sách đơn vị đăng cai thi kỹ năng nghề quốc gia, huấn luyện đội tuyển quốc gia chuẩn bị tham dự các Kỳ thi kỹ năng nghề quốc gia, ASEAN, châu Á và thế giới	05 năm
	- Hồ sơ đăng ký tham dự Kỳ thi kỹ năng nghề quốc gia; đăng cai tham gia huấn luyện đội tuyển quốc gia chuẩn bị tham dự các Kỳ thi kỹ năng nghề ASEAN, châu Á và thế giới	05 năm
	- Đề thi chính thức tại Kỳ thi kỹ năng nghề quốc gia, đề thi huấn luyện đội tuyển quốc gia chuẩn bị tham dự các Kỳ thi kỹ năng nghề ASEAN, châu Á và thế giới	05 năm
	- Các tài liệu có liên quan đến đăng cai tổ chức thi kỹ năng nghề quốc gia, huấn luyện đội tuyển quốc gia chuẩn bị tham dự các Kỳ thi kỹ năng nghề quốc gia, ASEAN, châu Á và thế giới	05 năm
	3. Hồ sơ, tài liệu về tuyển sinh, công nhận tốt nghiệp trong các cơ sở giáo dục nghề nghiệp	
226	Tài liệu về tuyển sinh	
	- Hồ sơ xác định chỉ tiêu tuyển sinh hằng năm	Vĩnh viễn

STT	Tên nhóm hồ sơ, tài liệu	Thời hạn lưu trữ
	- Văn bản phê duyệt danh sách người học trúng tuyển, danh sách trúng tuyển; Điểm chuẩn tuyển sinh	Vĩnh viễn
	- Hồ sơ đăng ký dự tuyển	Hết khóa học
	- Bài thi	Hết khóa học
	- Các tài liệu khác liên quan đến tuyển sinh	Hết khóa học
227	Tài liệu tổ chức thi kết thúc môn học, mô đun: Kế hoạch thi và lịch thi; danh sách người dự thi và kết quả từng môn thi; phiếu nộp bài thi có chữ ký của người học và cán bộ coi thi; bản ghi âm buổi thi đối với hình thức thi trực tuyến	
	- Hồ sơ phê duyệt kết quả thi hết môn học, mô đun	10 năm sau tốt nghiệp
	- Bài thi	Hết khóa học
	- Tài liệu khác có liên quan đến thi hết môn học, mô đun	Hết khóa học
228	Hồ sơ chấm phúc khảo bài thi kết thúc môn học, mô đun, thi tốt nghiệp	05 năm sau tốt nghiệp
229	Tài liệu về công nhận tốt nghiệp	
	- Quyết định công nhận tốt nghiệp; Sổ cấp bằng tốt nghiệp cho người học	Vĩnh viễn
	- Hồ sơ công nhận kết quả tốt nghiệp đối với đào tạo theo niên chế:	
	+ Quyết định thành lập Hội đồng thi tốt nghiệp; danh sách người học dự thi và kết quả thi, bản in kết quả thi đối với hình thức thi trực tuyến hoặc thi bằng phần mềm chuyên biệt trên máy tính, phiếu nộp bài thi có chữ ký của người học	Vĩnh viễn

STT	Tên nhóm hồ sơ, tài liệu	Thời hạn lưu trữ
	+ Đề thi đã sử dụng; Bài thi; Phiếu chấm thi	02 năm sau tốt nghiệp
	- Hồ sơ công nhận kết quả tốt nghiệp đối với đào tạo theo tích lũy mô đun hoặc tín chỉ: Quyết định thành lập Hội đồng xét tốt nghiệp; Biên bản họp xét tốt nghiệp; Bảng điểm tổng kết toàn khóa học	Vĩnh viễn
	- Sổ cấp giấy chứng nhận kết quả học tập các môn học, mô đun đã học trong chương trình cho người học chưa được công nhận tốt nghiệp	Vĩnh viễn
	4. Hồ sơ, tài liệu về nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục nghề nghiệp	
230	Hồ sơ xây dựng chương trình bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ sư phạm và kỹ năng nghề để dạy thực hành cho nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục nghề nghiệp	Vĩnh viễn
231	Hồ sơ tổ chức thực hiện chương trình bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ sư phạm và kỹ năng nghề để dạy thực hành cho nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục nghề nghiệp	20 năm
232	Hồ sơ hướng dẫn công tác đào tạo, bồi dưỡng nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục nghề nghiệp, người dạy các chương trình đào tạo thường xuyên	20 năm
233	Hồ sơ tổ chức Hội giảng nhà giáo giáo dục nghề nghiệp cấp quốc gia	20 năm
234	Hồ sơ hướng dẫn tổ chức Hội giảng nhà giáo giáo dục nghề nghiệp các cấp	20 năm
235	Hồ sơ tổ chức thi nâng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức giáo dục nghề nghiệp	
	- Danh sách trúng tuyển, Báo cáo kết quả	20 năm
	- Hồ sơ đăng ký dự thi	05 năm

STT	Tên nhóm hồ sơ, tài liệu	Thời hạn lưu trữ
	- Bài thi	05 năm
	- Các tài liệu khác có liên quan đến thi	05 năm
	5. Hồ sơ, tài liệu về cơ sở vật chất, thiết bị đào tạo trong các cơ sở giáo dục nghề nghiệp	
236	Hồ sơ xây dựng định mức kinh tế - kỹ thuật trong đào tạo đối với từng ngành, nghề theo từng trình độ đào tạo và các ngành, nghề trọng điểm	Vĩnh viễn
237	Hồ sơ xây dựng tiêu chuẩn cơ sở vật chất của cơ sở giáo dục nghề nghiệp; tiêu chuẩn cơ sở vật chất phục vụ giáo dục thể chất và hoạt động thể thao	Vĩnh viễn
238	Hồ sơ hướng dẫn thực hiện tiêu chuẩn cơ sở vật chất của cơ sở giáo dục nghề nghiệp; tiêu chuẩn cơ sở vật chất phục vụ giáo dục thể chất và hoạt động thể thao	20 năm
239	Hồ sơ xây dựng danh mục thiết bị đào tạo tối thiểu của từng ngành, nghề	Vĩnh viễn
240	Hồ sơ xây dựng mức tiêu hao vật tư, thiết bị trong quá trình đào tạo cho từng ngành, nghề theo các cấp trình độ đào tạo	Vĩnh viễn
241	Hồ sơ tổ chức Hội thi thiết bị đào tạo tự làm cấp quốc gia	20 năm
242	Hồ sơ hướng dẫn tổ chức Hội thi thiết bị đào tạo tự làm các cấp	20 năm
	6. Hồ sơ, tài liệu kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp	
243	Hồ sơ hướng dẫn thực hiện quy định về kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp	20 năm
244	Hồ sơ xây dựng khung bảo đảm chất lượng giáo dục nghề nghiệp quốc gia tham chiếu trình độ khu vực ASEAN và thế giới	Vĩnh viễn

STT	Tên nhóm hồ sơ, tài liệu	Thời hạn lưu trữ
245	Hồ sơ đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho cán bộ, nhà giáo của cơ sở giáo dục nghề nghiệp về kiểm định và bảo đảm chất lượng giáo dục nghề nghiệp, chuyên gia xây dựng, thẩm định ngân hàng đề thi đánh giá, cấp thẻ kiểm định viên	10 năm
246	Hồ sơ đánh giá và công nhận trường trung cấp, cao đẳng, trung tâm giáo dục nghề nghiệp đạt tiêu chuẩn kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp	
	- Đạt tiêu chuẩn	05 năm
	- Không đạt tiêu chuẩn	02 năm
247	Hồ sơ đánh giá và công nhận chương trình đào tạo các trình độ sơ cấp, trung cấp, cao đẳng đạt tiêu chuẩn kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp	
	- Đạt tiêu chuẩn	05 năm
	- Không đạt tiêu chuẩn	02 năm
248	Hồ sơ xây dựng hệ thống bảo đảm chất lượng giáo dục nghề nghiệp	Vĩnh viễn
249	Hồ sơ hướng dẫn tổ chức thực hiện hệ thống bảo đảm chất lượng giáo dục nghề nghiệp	20 năm
250	Hồ sơ đào tạo, bồi dưỡng và cấp chứng chỉ đào tạo kiểm định viên kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp	
	- Danh sách cấp chứng chỉ đào tạo kiểm định viên kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp	Vĩnh viễn
	- Hồ sơ đăng ký tham dự khóa đào tạo kiểm định viên	02 năm
	- Bài kiểm tra, đánh giá	02 năm
	- Các tài liệu khác có liên quan đến đào tạo và cấp chứng chỉ kiểm định viên	02 năm

STT	Tên nhóm hồ sơ, tài liệu	Thời hạn lưu trữ
251	Hồ sơ đánh giá và cấp thẻ kiểm định viên kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp	
	- Danh sách người đủ tiêu chuẩn tham dự, danh sách người được đánh giá đạt yêu cầu, danh sách cấp thẻ kiểm định viên	Vĩnh viễn
	- Hồ sơ đăng ký tham gia đánh giá kiểm định viên	02 năm
	- Bài thi của người tham dự	02 năm
	- Các tài liệu khác có liên quan đến đánh giá và cấp thẻ kiểm định viên	02 năm
252	Hồ sơ cấp lại thẻ kiểm định viên kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp	
	- Danh sách cấp lại thẻ kiểm định viên	Vĩnh viễn
	- Hồ sơ đề nghị cấp lại thẻ kiểm định viên	02 năm
	- Các tài liệu khác có liên quan đến cấp lại thẻ kiểm định viên	02 năm
253	Hồ sơ thu hồi thẻ kiểm định viên kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp	
	- Danh sách thu hồi thẻ kiểm định viên	Vĩnh viễn
	- Các tài liệu khác có liên quan đến thu hồi thẻ kiểm định viên	02 năm
254	Hồ sơ cấp; cấp lại; đình chỉ; cho phép tổ chức kiểm định tiếp tục hoạt động kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp; thu hồi giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp	Vĩnh viễn
	7. Hồ sơ, tài liệu đánh giá, cấp chứng chỉ kỹ năng nghề quốc gia	
255	Hồ sơ xây dựng khung trình độ kỹ năng nghề quốc gia, hệ thống tiêu chuẩn kỹ năng nghề quốc gia	Vĩnh viễn

STT	Tên nhóm hồ sơ, tài liệu	Thời hạn lưu trữ
256	Hồ sơ công nhận kỹ năng nghề giữa các quốc gia	Vĩnh viễn
257	Hồ sơ hướng dẫn xây dựng tiêu chuẩn kỹ năng nghề quốc gia cho từng nghề, từng bậc trình độ kỹ năng	10 năm
258	Hồ sơ thẩm định tiêu chuẩn kỹ năng nghề quốc gia	20 năm
259	Hồ sơ hướng dẫn sử dụng tiêu chuẩn kỹ năng nghề quốc gia, áp dụng tiêu chuẩn kỹ năng nghề của các nước khu vực ASEAN và thế giới vào Việt Nam	10 năm
260	Hồ sơ biên soạn, thẩm định và phê duyệt ngân hàng câu hỏi kiểm tra kiến thức và ngân hàng bài kiểm tra thực hành đánh giá kỹ năng nghề quốc gia (Ngân hàng đề thi đánh giá kỹ năng nghề quốc gia)	10 năm
261	Hồ sơ ban hành Danh mục cơ sở vật chất, trang thiết bị đánh giá kỹ năng nghề quốc gia	10 năm
262	Hồ sơ đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho đánh giá viên, chuyên gia xây dựng, thẩm định tiêu chuẩn, đề thi kỹ năng nghề quốc gia	05 năm
263	Hồ sơ cấp, cấp lại, cấp đổi, bổ sung giấy chứng nhận hoạt động đánh giá, cấp chứng chỉ kỹ năng nghề quốc gia	
	- Hồ sơ được duyệt	20 năm
	- Hồ sơ không được duyệt	10 năm
264	Hồ sơ cấp, cấp lại, cấp đổi, bổ sung thẻ đánh giá viên kỹ năng nghề quốc gia	
	- Hồ sơ được duyệt	20 năm
	- Hồ sơ không được duyệt	10 năm
265	Hồ sơ cấp, đổi, cấp lại chứng chỉ kỹ năng nghề quốc gia	
	- Hồ sơ được duyệt	20 năm
	- Hồ sơ không được duyệt	10 năm

STT	Tên nhóm hồ sơ, tài liệu	Thời hạn lưu trữ
	8. Hồ sơ, tài liệu về quản lý cơ sở giáo dục thường xuyên và các hoạt động giáo dục thường xuyên	
266	Hồ sơ thành lập, đình chỉ hoạt động, sáp nhập, giải thể trung tâm giáo dục thường xuyên, trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên	Vĩnh viễn
267	Hồ sơ thành lập, cấp phép hoạt động, đình chỉ hoạt động đào tạo, bồi dưỡng ngoại ngữ, tin học, sáp nhập, chia, tách, giải thể trung tâm ngoại ngữ, tin học	Vĩnh viễn
268	Hồ sơ thành lập, cho phép hoạt động, đình chỉ hoạt động, giải thể trung tâm học tập cộng đồng tại xã, phường, thị trấn	Vĩnh viễn
269	Hồ sơ xếp hạng trung tâm giáo dục thường xuyên	10 năm
270	Hồ sơ ban hành quy chế tổ chức và hoạt động của các cơ sở giáo dục thường xuyên	Vĩnh viễn
271	Hồ sơ hướng dẫn, kiểm tra thực hiện quy chế tổ chức và hoạt động của các cơ sở giáo dục thường xuyên	20 năm
272	Hồ sơ ban hành quy chế thực hiện chương trình giáo dục thường xuyên để cấp văn bằng của giáo dục phổ thông	Vĩnh viễn
273	Hồ sơ hướng dẫn, kiểm tra thực hiện quy chế thực hiện chương trình giáo dục thường xuyên để cấp văn bằng của giáo dục phổ thông	20 năm
274	Hồ sơ cấp phép hoạt động hoặc xác nhận hoạt động giáo dục kỹ năng sống và hoạt động giáo dục ngoài giờ chính khóa	05 năm sau khi có quyết định cấp phép
275	Hồ sơ xây dựng, thẩm định, ban hành chương trình giáo dục thường xuyên; chương trình đáp ứng yêu cầu của người học	Vĩnh viễn

STT	Tên nhóm hồ sơ, tài liệu	Thời hạn lưu trữ
276	Hồ sơ biên soạn, thẩm định các giáo trình, học liệu, phương tiện phục vụ giảng dạy và học tập mang đặc thù của giáo dục thường xuyên	20 năm
277	Hồ sơ biên soạn, thẩm định, phê duyệt tài liệu bồi dưỡng, tài liệu hướng dẫn giảng dạy thuộc lĩnh vực giáo dục thường xuyên	20 năm
278	Hồ sơ hướng dẫn việc dạy tiếng Việt cho người Việt Nam ở nước ngoài và người nước ngoài ở Việt Nam	20 năm
279	Hồ sơ hướng dẫn xây dựng xã hội học tập, học tập suốt đời	20 năm
280	Hồ sơ công nhận tỉnh/xã đạt chuẩn phổ cập giáo dục, xóa mù chữ	10 năm
281	Hồ sơ đề nghị đánh giá, công nhận "Đơn vị học tập"	05 năm
282	Hồ sơ đánh giá, công nhận "Cộng đồng học tập" cấp xã; Đơn vị học tập	10 năm
	9. Hồ sơ, sổ sách phục vụ hoạt động giáo dục của trung tâm giáo dục thường xuyên, trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên	
283	Sổ đăng bộ	Vĩnh viễn
284	Sổ theo dõi và đánh giá học sinh	Vĩnh viễn
285	Sổ nghị quyết của trung tâm	10 năm
286	Kế hoạch giáo dục của trung tâm (theo năm học)	10 năm
287	Sổ kiểm tra đánh giá giáo viên về công tác chuyên môn	10 năm
288	Sổ thi đua	10 năm
289	Học bạ học sinh	Trả học viên khi ra trường, chuyển trường
290	Sổ ghi đầu bài	10 năm

STT	Tên nhóm hồ sơ, tài liệu	Thời hạn lưu trữ
291	Sổ chủ nhiệm	Hết khóa học
292	Sổ quản lý cấp phát văn bằng, chứng chỉ	Vĩnh viễn
	10. Hồ sơ, sổ sách phục vụ hoạt động của các lớp xóa mù chữ	
293	Học bạ học sinh theo học chương trình xóa mù chữ	Trả học sinh khi hoàn thành chương trình
294	Bảng tổng hợp đánh giá kết quả giáo dục	10 năm
295	Danh sách học viên được xác nhận hoàn thành chương trình xóa mù chữ	20 năm
	VI. HỒ SƠ, TÀI LIỆU VỀ GIÁO DỤC QUỐC PHÒNG VÀ AN NINH	
296	Hồ sơ cho phép, đình chỉ hoạt động giáo dục đối với trung tâm giáo dục quốc phòng và an ninh	Vĩnh viễn
297	Hồ sơ ban hành điều lệ, quy chế tổ chức và hoạt động của trung tâm giáo dục quốc phòng và an ninh	Vĩnh viễn
298	Hồ sơ ban hành chương trình, nội dung môn học giáo dục quốc phòng và an ninh	Vĩnh viễn
299	Hồ sơ cho phép tự chủ, đình chỉ tự chủ môn học giáo dục quốc phòng và an ninh đối với cơ sở giáo dục	Vĩnh viễn
300	Hồ sơ hướng dẫn thực hiện chương trình, nội dung môn học giáo dục quốc phòng và an ninh	20 năm
301	Hồ sơ thẩm định sách giáo khoa giáo dục quốc phòng và an ninh dùng cho học sinh trung học phổ thông; giáo trình giáo dục quốc phòng và an ninh dùng cho sinh viên	Vĩnh viễn
302	Hồ sơ xây dựng, thẩm định, ban hành chương trình lồng ghép giáo dục quốc phòng và an ninh cho các trường tiểu học và trung học cơ sở	Vĩnh viễn

STT	Tên nhóm hồ sơ, tài liệu	Thời hạn lưu trữ
303	Hồ sơ biên soạn, thẩm định, phê duyệt tài liệu bồi dưỡng, tài liệu hướng dẫn giảng dạy thuộc giáo dục quốc phòng và an ninh	20 năm
304	Hồ sơ ban hành quy định bảo đảm cơ sở vật chất trang thiết bị tối thiểu trong dạy học giáo dục quốc phòng và an ninh	Vĩnh viễn
305	Hồ sơ thẩm định, sản xuất thiết bị dạy học môn giáo dục quốc phòng và an ninh	20 năm
306	Hồ sơ quản lý, sử dụng thiết bị dạy học môn giáo dục quốc phòng và an ninh	10 năm
307	Hồ sơ hướng dẫn cơ sở giáo dục đại học tuyển chọn nam sinh viên tốt nghiệp đại học đi đào tạo sỹ quan dự bị	20 năm
308	Hồ sơ đánh giá chất lượng công tác giáo dục quốc phòng và an ninh	20 năm
309	Hồ sơ hội thao giáo dục quốc phòng và an ninh cho học sinh trung học	
	- Quyết định kèm theo danh sách thí sinh đoạt giải	10 năm
	- Sổ cấp giấy chứng nhận học sinh đạt giải	Vĩnh viễn
	- Hồ sơ đăng ký dự thi	05 năm
	- Bài thi	05 năm
	- Các tài liệu khác có liên quan đến hội thao	05 năm
	VII. HỒ SƠ, TÀI LIỆU VỀ CÔNG TÁC HỌC SINH, SINH VIÊN	
	1. Hồ sơ, tài liệu về công tác giáo dục chính trị tư tưởng, đạo đức, lối sống, văn hóa học đường	
310	Hồ sơ về các hoạt động sinh hoạt chính trị đầu khóa cho học sinh, sinh viên	10 năm

STT	Tên nhóm hồ sơ, tài liệu	Thời hạn lưu trữ
311	Hồ sơ tổ chức quán triệt, tuyên truyền hướng dẫn thực hiện các chủ trương, đường lối của Đảng về việc học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh	10 năm
312	Hồ sơ phát triển đảng viên trong học sinh, sinh viên	20 năm
313	Hồ sơ theo dõi, tổng hợp, thống kê và đề xuất công tác phát triển Đảng trong học sinh, sinh viên	10 năm
314	Hồ sơ xây dựng ban hành quy định văn hóa học đường, an ninh chính trị trong học sinh, sinh viên	10 năm
315	Hồ sơ hướng dẫn, đánh giá công tác xây dựng văn hóa học đường, an ninh chính trị trong học sinh, sinh viên	10 năm
316	Hồ sơ về công tác tuyên truyền, giáo dục pháp luật trong học sinh, sinh viên	10 năm
317	Hồ sơ về công tác giáo dục bảo vệ chủ quyền biển đảo trong học sinh, sinh viên	10 năm
318	Hồ sơ về giáo dục học sinh, sinh viên khai thác, sử dụng các nội dung trên môi trường mạng	10 năm
319	Hồ sơ ban hành quy định công tác giáo dục đạo đức, lối sống trong các cơ sở giáo dục	10 năm
320	Hồ sơ hướng dẫn, đánh giá việc giáo dục đạo đức, lối sống của học sinh, sinh viên	10 năm
321	Hồ sơ ban hành quy định công tác giáo dục đạo đức, lối sống trong các cơ sở giáo dục	10 năm
322	Hồ sơ hướng dẫn, đánh giá việc giáo dục đạo đức, lối sống của học sinh, sinh viên	10 năm
323	Báo cáo đánh giá, tổng hợp tình hình đạo đức, lối sống của học sinh, sinh viên theo từng thời kỳ và năm học	20 năm

STT	Tên nhóm hồ sơ, tài liệu	Thời hạn lưu trữ
	2. Hồ sơ, tài liệu về kỹ năng, công tác xã hội, tư vấn tâm lý	
324	Hồ sơ ban hành quy định về hoạt động giáo dục kỹ năng cho học sinh, sinh viên trong và ngoài nhà trường	10 năm
325	Hồ sơ hướng dẫn, đánh giá các hoạt động giáo dục kỹ năng cho học sinh, sinh viên trong và ngoài nhà trường	10 năm
326	Hồ sơ ban hành quy định công tác phối hợp giữa nhà trường - gia đình - xã hội trong các cơ sở giáo dục	10 năm
327	Hồ sơ hướng dẫn, đánh giá công tác phối hợp giữa nhà trường - gia đình - xã hội trong các cơ sở giáo dục	10 năm
328	Hồ sơ ban hành quy định công tác giáo dục chuyển đổi hành vi về gia đình và xây dựng gia đình	10 năm
329	Hồ sơ hướng dẫn, đánh giá công tác giáo dục chuyển đổi hành vi về gia đình và xây dựng gia đình	10 năm
330	Hồ sơ ban hành quy định công tác tư vấn tâm lý, công tác xã hội trong các cơ sở giáo dục	10 năm
331	Hồ sơ hướng dẫn, đánh giá công tác tư vấn tâm lý, công tác xã hội trong các cơ sở giáo dục	10 năm
332	Hồ sơ về công tác thanh niên trong cơ sở giáo dục	10 năm
333	Hồ sơ quản lý, chỉ đạo công tác tư vấn tâm lý, công tác xã hội trong các cơ sở giáo dục	10 năm
334	Hồ sơ phát triển mạng lưới cơ sở cung cấp dịch vụ tư vấn tâm lý và công tác xã hội trường học	10 năm
	3. Hồ sơ, tài liệu về quản lý và hỗ trợ người học	
335	Hồ sơ ban hành quy định về chế độ, chính sách cho học sinh, sinh viên	Vĩnh viễn
336	Hồ sơ hướng dẫn, đánh giá việc thực hiện quy định về chế độ, chính sách cho học sinh, sinh viên	10 năm

STT	Tên nhóm hồ sơ, tài liệu	Thời hạn lưu trữ
337	Hồ sơ tuyển chọn nam sinh viên tốt nghiệp đại học đào tạo sỹ quan dự bị	10 năm
338	Hồ sơ khen thưởng và công nhận các danh hiệu đối với học sinh, sinh viên	
	- Cấp Bộ, cấp tỉnh	20 năm
	- Cấp trường	10 năm
339	Hồ sơ kỷ luật học sinh, sinh viên	
	- Hình thức kỷ luật khiển trách	10 năm
	- Hình thức kỷ luật cảnh cáo	15 năm
	- Hình thức đình chỉ học tập có thời hạn	20 năm
	- Hình thức buộc thôi học	Vĩnh viễn
340	Hồ sơ tổ chức, theo dõi các hoạt động liên quan đến hình thành đạo đức, lối sống trong học sinh, sinh viên	Hết khóa học
341	Hồ sơ theo dõi, xử lý các vấn đề về an ninh, chính trị liên quan đến học sinh, sinh viên	10 năm
342	Hồ sơ ban hành quy định về điều kiện tiêu chuẩn đánh giá việc làm, hỗ trợ khởi nghiệp và giải pháp phát triển hệ sinh thái khởi nghiệp trong cơ sở giáo dục	Vĩnh viễn
343	Hồ sơ ban hành quy định về công tác tư vấn nghề nghiệp, việc làm, hỗ trợ khởi nghiệp trong và ngoài cơ sở giáo dục	Vĩnh viễn
344	Hồ sơ hướng dẫn, đánh giá công tác tư vấn nghề nghiệp, việc làm, hỗ trợ khởi nghiệp trong và ngoài cơ sở giáo dục	20 năm
345	Hồ sơ tổ chức tư vấn học tập, nghề nghiệp, việc làm cho học sinh, sinh viên	Hết khóa học
346	Hồ sơ quản lý học sinh, sinh viên (nội, ngoại trú, đánh giá kết quả rèn luyện,…)	Hết khóa học

STT	Tên nhóm hồ sơ, tài liệu	Thời hạn lưu trữ
347	Hồ sơ học sinh, sinh viên	Trả người học sau khi ra trường
348	Hồ sơ chuyển trường đối với học sinh, sinh viên	Hết khóa học
349	Sổ theo dõi học sinh chuyển đi, chuyển đến	05 năm
350	Hồ sơ xin học lại tại trường khác	Hết khóa học
351	Hồ sơ xét cấp học bổng khuyến khích học tập đối với học sinh, sinh viên	05 năm
352	Hồ sơ xét cấp học bổng chính sách đối với học sinh, sinh viên hệ cử tuyển	05 năm
353	Hồ sơ xét cấp học bổng chính sách đối với học sinh trường phổ thông dân tộc nội trú, trường dự bị đại học	05 năm
354	Hồ sơ xét trợ cấp xã hội đối với sinh viên	05 năm
355	Hồ sơ xét hỗ trợ tiền ăn, tiền nhà ở và gạo cho học sinh trung học phổ thông ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn	05 năm
356	Hồ sơ xét miễn, giảm học phí cho học sinh, sinh viên	05 năm
357	Hồ sơ xét cấp kinh phí hỗ trợ chi phí học tập đối với trẻ mẫu giáo, học sinh và sinh viên	10 năm
358	Hồ sơ xét cấp hỗ trợ ăn trưa cho trẻ em 3, 4, 5 tuổi	06 năm
	4. Hồ sơ, tài liệu về công tác giáo dục thể chất, thể thao trường học	
359	Hồ sơ ban hành quy định về hoạt động thể chất, nâng cao thể lực, bảo đảm sức khỏe học đường	Vĩnh viễn
360	Hồ sơ hướng dẫn, đánh giá hoạt động thể chất, nâng cao thể lực, bảo đảm sức khỏe học đường	20 năm
361	Hồ sơ ban hành quy định về công tác thể thao trường học	Vĩnh viễn

STT	Tên nhóm hồ sơ, tài liệu	Thời hạn lưu trữ
362	Hồ sơ xây dựng, thẩm định tài liệu bồi dưỡng cán bộ quản lý, giảng viên làm công tác giáo dục thể chất	10 năm
363	Hồ sơ hướng dẫn, đánh giá công tác thể thao trường học	20 năm
364	Hồ sơ ban hành quy định về xếp loại thể lực cho học sinh, sinh viên	Vĩnh viễn
365	Hồ sơ hướng dẫn, đánh giá xếp loại thể lực cho học sinh, sinh viên	20 năm
366	Hồ sơ ban hành chương trình môn giáo dục thể chất thuộc chuẩn chương trình đào tạo đối với các cơ sở giáo dục đại học, cao đẳng sư phạm	Vĩnh viễn
367	Hồ sơ hướng dẫn thực hiện chương trình môn giáo dục thể chất thuộc chuẩn chương trình đào tạo đối với các cơ sở giáo dục đại học, cao đẳng sư phạm	20 năm
368	Hồ sơ đánh giá công tác giáo dục thể chất của các cơ sở giáo dục	10 năm
369	Hồ sơ đánh giá thể lực cho học sinh, sinh viên	05 năm sau khi hết khóa học
370	Hồ sơ hướng dẫn, đánh giá phong trào rèn luyện tập thể dục thể thao của các cơ sở giáo dục; hoạt động của các câu lạc bộ thể thao học sinh, sinh viên	20 năm
371	Hồ sơ Hội khỏe Phù Đổng, các giải thi đấu thể thao học sinh, sinh viên	
	- Thông báo kết quả Hội khỏe Phù Đổng, các giải thi đấu thể thao học sinh, sinh viên *(giấy chứng nhận được in và cấp căn cứ theo Thông báo kết quả)*	Vĩnh viễn
	- Hồ sơ đăng ký dự thi	05 năm
	- Các tài liệu khác có liên quan đến Hội khỏe Phù Đổng, các giải thi đấu thể thao học sinh, sinh viên	05 năm

STT	Tên nhóm hồ sơ, tài liệu	Thời hạn lưu trữ
	5. Hồ sơ, tài liệu về công tác y tế và bảo đảm an toàn trường học	
372	Hồ sơ hướng dẫn, đánh giá thực hiện công tác y tế, đảm bảo an toàn trường học	10 năm
373	Hồ sơ xây dựng, thẩm định tài liệu bồi dưỡng cán bộ, nhân viên làm công tác y tế trường học	20 năm
374	Hồ sơ về công tác phòng chống dịch, bệnh học đường	05 năm
375	Hồ sơ về an toàn thực phẩm, dinh dưỡng học đường	05 năm
376	Hồ sơ về công tác bảo đảm an toàn trường học	05 năm
377	Hồ sơ về công tác chăm sóc sức khỏe người học	05 năm
	VIII. HỒ SƠ, TÀI LIỆU VỀ KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ VÀ THÔNG TIN	
	1. Hồ sơ, tài liệu về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và giáo dục bảo vệ môi trường	
378	Hồ sơ hướng dẫn xây dựng kế hoạch thực hiện các nhiệm vụ bảo vệ môi trường khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và giáo dục bảo vệ môi trường	20 năm
379	Hồ sơ tổ chức thực hiện chiến lược, chương trình, dự án, đề án, kế hoạch về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và giáo dục bảo vệ môi trường	10 năm
380	Hồ sơ tổ chức xác định, tuyển chọn, giao trực tiếp, thẩm định và trình phê duyệt chương trình, đề tài, nhiệm vụ khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và môi trường	Vĩnh viễn
381	Hồ sơ thẩm định và trình phê duyệt chương trình, đề tài, nhiệm vụ khoa học, công nghệ và môi trường	Vĩnh viễn
382	Hồ sơ thẩm định, nghiệm thu chương trình, đề tài, nhiệm vụ nghiên cứu khoa học, công nghệ, môi trường cấp Bộ, cấp Nhà nước	Vĩnh viễn

STT	Tên nhóm hồ sơ, tài liệu	Thời hạn lưu trữ
383	Hồ sơ, tài liệu quản lý, hỗ trợ hoạt động ươm tạo khoa học và công nghệ, khởi nghiệp đổi mới sáng tạo, hoạt động nghiên cứu khoa học của sinh viên, hoạt động nghiên cứu khoa học của giảng viên trẻ	30 năm
384	Hồ sơ, tài liệu cấp giấy chứng nhận hoạt động nghiên cứu khoa học của sinh viên, giảng viên trẻ	50 năm
385	Hồ sơ quản lý, sử dụng tài sản được hình thành thông qua việc triển khai thực hiện chương trình, đề tài, nhiệm vụ khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và môi trường	Đến khi tài sản hết khấu hao
386	Hồ sơ đánh giá đề tài nghiên cứu khoa học, công nghệ, môi trường của sinh viên cấp khoa/bộ môn	05 năm
387	Hồ sơ đánh giá đề tài nghiên cứu khoa học của sinh viên dự xét giải thưởng sinh viên nghiên cứu khoa học, công nghệ, môi trường cấp trường	10 năm
388	Hồ sơ đánh giá đề tài xét tặng giải thưởng Sinh viên nghiên cứu khoa học và giải thưởng Khoa học và công nghệ dành cho giảng viên trẻ trong các cơ sở giáo dục đại học	Vĩnh viễn
389	Hồ sơ chương trình, đề tài nghiên cứu khoa học, công nghệ, môi trường của giảng viên, nghiên cứu viên	
	- Cấp quốc tế	Vĩnh viễn
	- Cấp Nhà nước	Vĩnh viễn
	- Cấp bộ, ngành	20 năm
	- Cấp cơ sở	10 năm
	2. Hồ sơ, tài liệu về ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số và thống kê	
390	Hồ sơ hướng dẫn thực hiện kế hoạch, chương trình, đề án, dự án, nhiệm vụ về ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số	20 năm

STT	Tên nhóm hồ sơ, tài liệu	Thời hạn lưu trữ
391	Hồ sơ xây dựng quy định tiêu chuẩn kỹ thuật, tiêu chí đánh giá, triển khai ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số	20 năm
392	Hồ sơ hướng dẫn thực hiện quy định tiêu chuẩn kỹ thuật, tiêu chí đánh giá, triển khai ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số	20 năm
393	Danh sách cấp chứng chỉ về chuyển đổi số và ứng dụng công nghệ thông tin	Vĩnh viễn
394	Hồ sơ tuyển chọn, thẩm định, ban hành danh mục sản phẩm công nghệ thông tin, chuyển đổi số dùng trong ngành giáo dục: giáo trình tài liệu, sách tham khảo, chương trình giảng dạy, chương trình đào tạo và bồi dưỡng giáo viên và cán bộ quản lý giáo dục, nội dung và chương trình học trực tuyến	10 năm
395	Hồ sơ xây dựng thư viện giáo trình điện tử, sách giáo khoa điện tử, thư viện đề thi, học liệu mở, phần mềm dạy học, thí nghiệm ảo và phần mềm mô phỏng, khai thác sử dụng và dạy học dùng mã nguồn mở và công nghệ học điện tử	05 năm
396	Hồ sơ xây dựng và trình cấp có thẩm quyền ban hành chỉ tiêu thống kê, phân loại thống kê, chế độ báo cáo thống kê ngành Giáo dục	Vĩnh viễn
397	Hồ sơ tổ chức thực hiện chương trình, dự án, đề án, kế hoạch về thống kê ngành Giáo dục	20 năm
398	Hồ sơ tổ chức bồi dưỡng và hướng dẫn nghiệp vụ thống kê đối với người làm công tác thống kê trong ngành Giáo dục	10 năm
399	Số liệu thống kê giáo dục hằng năm, nhiều năm	Vĩnh viễn

STT	Tên nhóm hồ sơ, tài liệu	Thời hạn lưu trữ
	IX. HỒ SƠ, TÀI LIỆU VỀ CƠ SỞ VẬT CHẤT, THIẾT BỊ TRƯỜNG HỌC VÀ ĐẦU TƯ	
400	Hồ sơ xây dựng định hướng, chính sách đầu tư phát triển cơ sở vật chất, thiết bị trường học, các khu đại học, phòng thí nghiệm trọng điểm, đồ chơi trẻ em trong ngành Giáo dục	Vĩnh viễn
401	Hồ sơ xây dựng quy hoạch, kế hoạch dài hạn, 5 năm, hằng năm về cơ sở vật chất, thiết bị trường học, các khu đại học, phòng thí nghiệm trọng điểm, đồ chơi trẻ em trong ngành Giáo dục	Vĩnh viễn
402	Hồ sơ xây dựng các chương trình, đề án đầu tư cơ sở vật chất và thiết bị trường học toàn ngành Giáo dục	Vĩnh viễn
403	Hồ sơ xây dựng và công bố tiêu chuẩn cơ sở về cơ sở vật chất, thiết bị trường học, đồ chơi trẻ em phù hợp với yêu cầu giáo dục và tâm sinh lý lứa tuổi trẻ em	Vĩnh viễn
404	Hồ sơ xây dựng và đề nghị cấp có thẩm quyền công bố tiêu chuẩn quốc gia về cơ sở vật chất, thiết bị trường học, đồ chơi trẻ em phù hợp với yêu cầu giáo dục và tâm sinh lý lứa tuổi trẻ em	Vĩnh viễn
405	Hồ sơ xây dựng, ban hành danh mục đồ dùng, đồ chơi, thiết bị dạy học tối thiểu	Vĩnh viễn
406	Hồ sơ xây dựng cơ sở dữ liệu về cơ sở vật chất, thiết bị trường học, đồ chơi trẻ em	Vĩnh viễn
407	Hồ sơ hướng dẫn thực hiện tiêu chuẩn, định mức về cơ sở vật chất	20 năm
408	Hồ sơ đánh giá và công nhận thư viện trường học đạt chuẩn	10 năm
409	Các loại sổ sách về quản lý thư viện: Sổ đăng ký tổng quát, đăng ký cá biệt, đăng ký sách giáo khoa, tạp chí; sổ mượn sách, cho thuê sách, thống kê bạn đọc…	05 năm

STT	Tên nhóm hồ sơ, tài liệu	Thời hạn lưu trữ
410	Sổ quản lý thiết bị giáo dục, đồ chơi trẻ em:	
	- Sổ đăng ký/danh mục thiết bị giáo dục, đồ chơi trẻ em; Sổ nhập tài sản, công cụ, dụng cụ	20 năm
	- Sổ cho mượn và sử dụng đồ dùng dạy học; Sổ theo dõi tài sản các lớp, phòng học bộ môn	05 năm
	X. HỒ SƠ, TÀI LIỆU VỀ CÔNG TÁC BẢO ĐẢM, KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC	
	1. Hồ sơ, tài liệu về công tác bảo đảm và kiểm định chất lượng giáo dục	
411	Hồ sơ xây dựng quy định công tác kiểm tra, giám sát, đánh giá về công tác bảo đảm và kiểm định chất lượng giáo dục	Vĩnh viễn
412	Hồ sơ hướng dẫn, tổ chức thực hiện công tác kiểm tra, giám sát, đánh giá về công tác bảo đảm và kiểm định chất lượng giáo dục	20 năm
413	Danh sách các tổ chức kiểm định trong nước và tổ chức kiểm định nước ngoài được Việt Nam cho phép/công nhận hoạt động	10 năm
414	Hồ sơ thành lập hoặc cho phép thành lập, cho phép hoạt động, đình chỉ hoạt động, giải thể tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục của Việt Nam.	10 năm
415	Hồ sơ đánh giá hoạt động của các tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục trong nước	05 năm
416	Hồ sơ thẩm định hồ sơ đề nghị cho phép hoạt động, đình chỉ hoạt động kiểm định chất lượng giáo dục trong nước	05 năm
417	Hồ sơ thẩm định hồ sơ đề nghị công nhận hoạt động của tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục nước ngoài tại Việt Nam	05 năm

STT	Tên nhóm hồ sơ, tài liệu	Thời hạn lưu trữ
418	Hồ sơ bồi dưỡng và cấp chứng nhận hoàn thành chương trình bồi dưỡng nghiệp vụ kiểm định viên	
	- Danh sách cấp chứng nhận hoàn thành chương trình bồi dưỡng nghiệp vụ kiểm định viên	Vĩnh viễn
	- Hồ sơ đăng ký tham dự bồi dưỡng nghiệp vụ kiểm định viên	02 năm
	- Bài thi, kiểm tra	02 năm
	- Các tài liệu khác có liên quan đến đào tạo và cấp chứng nhận hoàn thành chương trình bồi dưỡng nghiệp vụ kiểm định viên	02 năm
419	Hồ sơ sát hạch, cấp và thu hồi thẻ kiểm định viên kiểm định chất lượng giáo dục	
	- Danh sách sát hạch, cấp và thu hồi thẻ kiểm định viên	Vĩnh viễn
	- Hồ sơ đăng ký sát hạch	02 năm
	- Bài thi sát hạch kiểm định viên	02 năm
	- Các tài liệu khác có liên quan đến tuyển chọn và cấp/cấp lại thẻ kiểm định viên	02 năm
420	Hồ sơ thẩm định kết quả đánh giá chất lượng giáo dục và cấp giấy chứng nhận kiểm định chất lượng giáo dục đối với cơ sở giáo dục, chương trình đào tạo	
	- Hồ sơ được công nhận	10 năm
	- Hồ sơ không được công nhận	05 năm
	2. Hồ sơ, tài liệu về công tác thi và đánh giá chất lượng giáo dục	
421	Hồ sơ xây dựng quy chế thi tốt nghiệp THPT, thi chọn học sinh giỏi cấp quốc gia dành cho học sinh phổ thông, thi đánh giá năng lực ngoại ngữ theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam, thi đánh	Vĩnh viễn

STT	Tên nhóm hồ sơ, tài liệu	Thời hạn lưu trữ
	giá năng lực tiếng Việt theo Khung năng lực tiếng Việt dành cho người nước ngoài, thi cấp chứng chỉ ứng dụng công nghệ thông tin	
422	Hồ sơ hướng dẫn thực hiện quy chế thi trong tổ chức các kỳ thi tốt nghiệp THPT, thi chọn học sinh giỏi cấp quốc gia các môn văn hóa dành cho học sinh phổ thông, thi đánh giá năng lực ngoại ngữ theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam, thi đánh giá năng lực tiếng Việt theo Khung năng lực tiếng Việt dành cho người nước ngoài, thi cấp chứng chỉ ứng dụng công nghệ thông tin	Đến khi có quy chế thay thế
423	Hồ sơ đánh giá việc thực hiện quy chế thi trong tổ chức các kỳ thi của các cơ sở giáo dục và kèm theo minh chứng	20 năm
424	Hồ sơ xây dựng và phát triển ngân hàng câu hỏi thi phục vụ ra đề thi cho kỳ thi tốt nghiệp THPT hằng năm	Vĩnh viễn
425	Hồ sơ tổ chức ra đề thi kỳ thi tốt nghiệp THPT, kỳ thi chọn học sinh giỏi cấp quốc gia các môn văn hóa dành cho học sinh phổ thông	02 năm
426	Hồ sơ tổ chức thực hiện các chương trình đánh giá chất lượng giáo dục quốc gia, quốc tế	20 năm
427	Danh sách các đội tuyển quốc gia dự thi Olympic khu vực, quốc tế hằng năm	Vĩnh viễn
	3. Hồ sơ, tài liệu về quản lý văn bằng, chứng chỉ	
428	Hồ sơ xây dựng quy định việc quản lý văn bằng, chứng chỉ	Vĩnh viễn
429	Hồ sơ hướng dẫn việc quản lý văn bằng, chứng chỉ	20 năm

STT	Tên nhóm hồ sơ, tài liệu	Thời hạn lưu trữ
430	Hồ sơ xây dựng hiệp định về tương đương văn bằng hoặc công nhận lẫn nhau về văn bằng với các nước, tổ chức quốc tế	Vĩnh viễn
431	Hồ sơ xây dựng quy định về việc công nhận và xác thực văn bằng do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp	Vĩnh viễn
432	Hồ sơ ban hành quy định trách nhiệm và thẩm quyền cấp văn bằng của cơ sở giáo dục đại học Việt Nam khi liên kết đào tạo với cơ sở giáo dục đại học nước ngoài	Vĩnh viễn
433	Hồ sơ ban hành quy định trách nhiệm của cơ sở giáo dục đại học có vốn đầu tư nước ngoài thực hiện việc cấp văn bằng giáo dục đại học tại Việt Nam	Vĩnh viễn
434	Hồ sơ cấp phôi bằng tốt nghiệp trung học cơ sở, trung học phổ thông, trung cấp, cao đẳng, đại học, thạc sĩ, tiến sĩ	Vĩnh viễn
435	Hồ sơ cấp phôi chứng chỉ của hệ thống giáo dục quốc dân	Vĩnh viễn
436	Sổ gốc cấp văn bằng tốt nghiệp trung học cơ sở, trung học phổ thông, trung cấp, cao đẳng, đại học, thạc sĩ, tiến sĩ	Vĩnh viễn
437	Hồ sơ chỉnh sửa nội dung văn bằng, chứng chỉ	Vĩnh viễn
438	Sổ cấp bản sao văn bằng tốt nghiệp từ sổ gốc	Vĩnh viễn
439	Sổ gốc cấp chứng chỉ của hệ thống giáo dục quốc dân	Vĩnh viễn
440	Sổ cấp bản sao chứng chỉ từ sổ gốc	20 năm
441	Hồ sơ công nhận văn bằng do cơ sở nước ngoài cấp	
	- Giấy công nhận văn bằng và bản sao văn bằng do cơ sở nước ngoài cấp	Vĩnh viễn
	- Các tài liệu liên quan khác đến hồ sơ	20 năm

STT	Tên nhóm hồ sơ, tài liệu	Thời hạn lưu trữ
	XI. HỒ SƠ, TÀI LIỆU VỀ HỢP TÁC QUỐC TẾ TRONG LĨNH VỰC GIÁO DỤC	
	1. Hồ sơ, tài liệu về quan hệ quốc tế	
442	Hồ sơ xây dựng, hướng dẫn việc thực hiện chiến lược, kế hoạch về công tác hợp tác quốc tế	20 năm
443	Hồ sơ đàm phán, ký kết, gia nhập các điều ước, thỏa thuận quốc tế, các văn bản khác trong lĩnh vực giáo dục	Vĩnh viễn
444	Hồ sơ đánh giá kết quả thực hiện các hoạt động, chương trình hợp tác quốc tế	10 năm
445	Hồ sơ xây dựng kế hoạch đoàn ra, đoàn vào	10 năm
446	Hồ sơ cử cán bộ đi công tác nước ngoài ngắn hạn	10 năm
447	Hồ sơ hướng dẫn việc quản lý và giải quyết các thủ tục nhập cảnh, giấy phép lao động đối với người nước ngoài vào nghiên cứu, làm việc, làm tình nguyện viên tại Việt Nam	20 năm
448	Báo cáo về thông tin đối ngoại	20 năm
	2. Hồ sơ, tài liệu về giáo dục quốc tế	
449	Hồ sơ xây dựng quy định việc công dân Việt Nam ra nước ngoài học tập, giảng dạy, nghiên cứu khoa học và trao đổi học thuật, làm chuyên gia trong lĩnh vực giáo dục ở nước ngoài	Vĩnh viễn
450	Hồ sơ xây dựng quy chế quản lý người nước ngoài học tập tại Việt Nam	Vĩnh viễn
451	Hồ sơ hợp tác giữa cơ sở giáo dục của Việt Nam và nước ngoài về liên kết trong giáo dục và đào tạo	Vĩnh viễn
452	Hồ sơ ký kết Hiệp định, Thỏa thuận hợp tác về việc tiếp nhận lưu học sinh nước ngoài vào Việt Nam học tập	Vĩnh viễn

STT	Tên nhóm hồ sơ, tài liệu	Thời hạn lưu trữ
453	Hồ sơ thành lập, cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động, sửa đổi, bổ sung, gia hạn, cấp lại giấy phép thành lập, chấm dứt hoạt động, thu hồi giấy phép thành lập đối với văn phòng đại diện của cơ sở giáo dục nước ngoài tại Việt Nam	Vĩnh viễn
454	Hồ sơ cho phép thành lập, cho phép hoạt động giáo dục, đình chỉ tuyển sinh, chấm dứt hoạt động giáo dục, giải thể, chia, tách, sáp nhập, hợp nhất cơ sở giáo dục có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam	Vĩnh viễn
455	Hồ sơ cho phép mở phân hiệu, cho phép hoạt động giáo dục đối với phân hiệu của cơ sở giáo dục có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam	Vĩnh viễn
456	Hồ sơ bổ sung, điều chỉnh các hoạt động giáo dục, ngành đào tạo, mở rộng quy mô, đối tượng tuyển sinh, điều chỉnh nội dung, chương trình giảng dạy đối với cơ sở giáo dục hoặc phân hiệu của cơ sở giáo dục có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam	Vĩnh viễn
457	Hồ sơ phê duyệt đề án, gia hạn đề án, đình chỉ tuyển sinh và chấm dứt chương trình liên kết đào tạo với nước ngoài trình độ trung cấp, cao đẳng sư phạm, đại học, thạc sĩ, tiến sĩ	Vĩnh viễn
458	Hồ sơ tuyển sinh đi học nước ngoài bằng ngân sách nhà nước	20 năm
459	Hồ sơ không trúng tuyển của ứng viên dự tuyển đi học nước ngoài bằng ngân sách nhà nước	05 năm
460	Hồ sơ tuyển sinh đi học nước ngoài bằng học bổng Hiệp định và các học bổng khác	20 năm

STT	Tên nhóm hồ sơ, tài liệu	Thời hạn lưu trữ
461	Hồ sơ không trúng tuyển của ứng viên dự tuyển đi học nước ngoài bằng học bổng Hiệp định và các học bổng khác	05 năm
462	Hồ sơ du học sinh Việt Nam đi học tập ở nước ngoài và tiếp nhận về nước	70 năm
463	Hồ sơ lưu học sinh nước ngoài vào học tại các cơ sở giáo dục của Việt Nam	Vĩnh viễn
464	Hồ sơ tuyển chọn chuyên gia giáo dục đi làm việc ở nước ngoài	20 năm
465	Hồ sơ không trúng tuyển của ứng viên dự tuyển chọn chuyên gia giáo dục đi làm việc ở nước ngoài	05 năm
466	Hồ sơ chuyên gia giáo dục đi làm việc ở nước ngoài và tiếp nhận về nước	Vĩnh viễn
467	Danh sách thống kê hàng năm du học sinh Việt Nam đi học tập ở nước ngoài có sử dụng ngân sách nhà nước và về nước	Vĩnh viễn
	3. Hồ sơ, tài liệu về hợp tác đầu tư với nước ngoài	
468	Hồ sơ xây dựng cơ chế, chính sách hợp tác đầu tư của nước ngoài	Vĩnh viễn
469	Hồ sơ thẩm định điều kiện, trình cấp có thẩm quyền quyết định thành lập cơ sở giáo dục mầm non và phổ thông do cơ quan đại diện ngoại giao nước ngoài, tổ chức quốc tế liên minh chính phủ đề nghị thành lập	20 năm
470	Hồ sơ thẩm định điều kiện, trình cấp có thẩm quyền quyết định thành lập văn phòng đại diện giáo dục nước ngoài	20 năm

STT	Tên nhóm hồ sơ, tài liệu	Thời hạn lưu trữ
471	Hồ sơ giao nhiệm vụ bồi dưỡng, kiểm tra, thi và cấp chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ tư vấn du học	Vĩnh viễn
472	Hồ sơ cấp, đình chỉ, thu hồi giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh dịch vụ tư vấn du học	20 năm
473	Danh sách thống kê các cơ sở giáo dục có yếu tố nước ngoài, các cơ sở giáo dục có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam	20 năm
	XII. HỒ SƠ, TÀI LIỆU VỀ CÔNG TÁC NHÀ GIÁO VÀ CÁN BỘ QUẢN LÝ GIÁO DỤC	
	1. Hồ sơ, tài liệu về phát triển đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục, viên chức trường học	
474	Hồ sơ xây dựng và ban hành kế hoạch phát triển đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục, viên chức trường học	Vĩnh viễn
475	Hồ sơ xây dựng quy định về chuẩn/khung năng lực đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục, viên chức trường học	Vĩnh viễn
476	Hồ sơ thẩm định nội dung, chương trình, kế hoạch, tài liệu bồi dưỡng nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục, viên chức trường học theo chuẩn/khung năng lực	Vĩnh viễn
477	Hồ sơ hướng dẫn công tác đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục, viên chức trường học	20 năm
478	Hồ sơ xây dựng cơ sở dữ liệu về đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục, viên chức trường học	70 năm
479	Hồ sơ hướng dẫn xác định danh mục khung vị trí việc làm, định mức số người làm việc trong các cơ sở giáo	Vĩnh viễn

STT	Tên nhóm hồ sơ, tài liệu	Thời hạn lưu trữ
	dục mầm non, phổ thông công lập, cơ sở giáo dục đại học và cao đẳng sư phạm công lập	
480	Hồ sơ xây dựng tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp, chế độ làm việc đối với đội ngũ viên chức, nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục	Vĩnh viễn
481	Hồ sơ xây dựng quy định tiêu chuẩn, điều kiện xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức giảng dạy trong các cơ sở giáo dục đại học công lập và trường cao đẳng sư phạm, trường cao đẳng công lập có đào tạo ngành Giáo dục mầm non trình độ cao đẳng	Vĩnh viễn
482	Hồ sơ biên soạn, thẩm định chương trình, tài liệu bồi dưỡng, học liệu, bài giảng điện tử phục vụ nâng cao năng lực đội ngũ viên chức, nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục	20 năm
483	Hồ sơ kiểm tra, giám sát và tổ chức thực hiện về chuẩn chức danh nghề nghiệp, chế độ làm việc đối với đội ngũ viên chức, nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục	20 năm
484	Hồ sơ xây dựng chương trình bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp	Vĩnh viễn
485	Hồ sơ tổ chức các cuộc thi, hội thi toàn quốc cho nhà giáo	Vĩnh viễn
486	Hồ sơ thi giảng viên giỏi nghiệp vụ sư phạm, giáo viên dạy giỏi, cán bộ quản lý giỏi, giáo viên làm Tổng phụ trách Đội giỏi cấp trường, tỉnh	
	- Quyết định công nhận, danh sách giáo viên, cán bộ quản lý đạt danh hiệu	
	+ Cấp tỉnh	20 năm

STT	Tên nhóm hồ sơ, tài liệu	Thời hạn lưu trữ
	+ Cấp trường	10 năm
	- Sáng kiến kinh nghiệm đạt giải	
	+ Cấp tỉnh	20 năm
	+ Cấp trường	10 năm
	- Bài thi, bài thực hành	05 năm
	- Các tài liệu khác có liên quan đến cuộc thi	05 năm
	2. Hồ sơ, tài liệu về chế độ, chính sách đối với đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục, viên chức trường học	
487	Hồ sơ xây dựng chế độ, chính sách đối với đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục, viên chức trường học	Vĩnh viễn
488	Hồ sơ hướng dẫn thực hiện chế độ, chính sách đối với đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục, viên chức trường học	20 năm
489	Hồ sơ xây dựng quy định tiêu chuẩn, thủ tục xét công nhận đạt tiêu chuẩn và bổ nhiệm chức danh giáo sư, phó giáo sư; thủ tục xét hủy bổ nhiệm công nhận chức danh và miễn nhiệm chức danh giáo sư, phó giáo sư	Vĩnh viễn
490	Hồ sơ xây dựng thủ tục xét hủy bổ nhiệm công nhận chức danh và miễn nhiệm chức danh giáo sư, phó giáo sư	Vĩnh viễn
491	Hồ sơ Hội đồng chức danh giáo sư cơ sở thẩm định, đề nghị xét công nhận đạt tiêu chuẩn chức danh giáo sư, phó giáo sư	Vĩnh viễn
492	Hồ sơ Hội đồng chức danh giáo sư ngành, liên ngành thẩm định, đề nghị xét công nhận đạt tiêu chuẩn chức danh giáo sư, phó giáo sư	Vĩnh viễn

STT	Tên nhóm hồ sơ, tài liệu	Thời hạn lưu trữ
493	Hồ sơ Hội đồng chức danh giáo sư nhà nước thẩm định và quyết định công nhận chức danh giáo sư, phó giáo sư	Vĩnh viễn
494	Hồ sơ bổ nhiệm chức danh giáo sư, phó giáo sư	Vĩnh viễn
495	Hồ sơ miễn nhiệm chức danh giáo sư, phó giáo sư	Vĩnh viễn
496	Hồ sơ hủy bỏ công nhận đạt tiêu chuẩn chức danh giáo sư, phó giáo sư	Vĩnh viễn
497	Hồ sơ Hội đồng cấp cơ sở thẩm định, đề nghị xét tặng danh hiệu nhà giáo nhân dân, nhà giáo ưu tú	Vĩnh viễn
498	Hồ sơ Hội đồng cấp tỉnh thẩm định, đề nghị xét tặng danh hiệu nhà giáo nhân dân, nhà giáo ưu tú	Vĩnh viễn
499	Hồ sơ Hội đồng cấp Bộ thẩm định, đề nghị xét tặng danh hiệu nhà giáo nhân dân, nhà giáo ưu tú	Vĩnh viễn
500	Hồ sơ Hội đồng Nhà nước thẩm định, trình cấp có thẩm quyền quyết định tặng danh hiệu nhà giáo nhân dân, nhà giáo ưu tú	Vĩnh viễn
501	Hồ sơ giao nhiệm vụ bồi dưỡng năng lực nghề nghiệp, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp, nghiệp vụ sư phạm	Vĩnh viễn
502	Hồ sơ giao nhiệm vụ bồi dưỡng và cấp chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ quản lý giáo dục	Vĩnh viễn
503	Hồ sơ kiểm tra, đánh giá, xếp loại nhà giáo theo chuẩn chức danh nghề nghiệp	10 năm
504	Hồ sơ đánh giá chuẩn hiệu trưởng, phó hiệu trưởng	10 năm
505	Hồ sơ xét duyệt chế độ phụ cấp thâm niên, phụ cấp đặc thù cho nhà giáo	20 năm

STT	Tên nhóm hồ sơ, tài liệu	Thời hạn lưu trữ
506	Hồ sơ giao lưu cán bộ quản lý, giáo viên giỏi các cấp học toàn quốc, giáo viên tiêu biểu dạy trẻ khuyết tật, Tổng phụ trách Đội giỏi	05 năm
507	Hồ sơ tổ chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp cho nhà giáo	
	- Danh sách trúng tuyển, Báo cáo kết quả, Quyết định phê duyệt kết quả	20 năm
	- Hồ sơ đăng ký	05 năm
	- Các tài liệu khác có liên quan	05 năm